

Phụ lục
VẬT TƯ CHẤN THƯỜNG CHẤN HÌNH

(Đính kèm yêu cầu báo giá số: /YCBG-BVĐKTV ngày tháng năm 2025)

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
Phần 01: KHỚP HÁNG							
1	VT001			Khớp háng toàn phần không xi măng, ổ cối chuyển động đôi, chỏm ceramic (COP)	1. Chuôi xương đùi (Cuống xương đùi) - Chất liệu: hợp kim Titanium, có phủ 2 lớp, 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite - Kích thước: Chiều dài: 130mm-170mm. - Đặc tính kỹ thuật: + Có rãnh ngang và rãnh dọc, cổ chuôi hình e líp có gờ chống lún + Góc cổ thân $\geq 135^\circ$ 2. Ổ cối toàn phần - Chất liệu: Hợp kim cobalt - chrome - molybdenum, có phủ 2 lớp, 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite - Kích thước: Đường kính từ 44-60mm - Đặc tính kỹ thuật: ổ cối được thiết kế không bắt vít và có định ổ cối bằng đỉnh trên thân ổ cối ≥ 10 định có định chống lật, chống xoay và có gờ chống trượt ≥ 5mm. 3. Chỏm và lớp đệm: - Chất liệu: Chỏm vật liệu Ceramic; Lớp đệm vật liệu polyethylene - Kích thước: Lớp đệm đường kính 48-60mm bước tăng 2mm - Đặc tính kỹ thuật: Chỏm và lớp đệm được lắp sẵn với nhau, chỏm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối *Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ G7	Bộ	10
Phần 02: Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore							
1	VT002			Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore	Stem: có taper 8/10 & 12/14, Biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore μ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. -Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi): 145-190mm -Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm * Head: Chất liệu hợp kim ISODUR F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12). Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu gần chỏm 22.2mm cho Bipolar có đường kính 39mm - 51mm, chỏm 28mm cho Bipolar cho đường kính 43mm - 55mm. Có nhiều size S, M, L, XL, XXL. * Cup bipolar: chất liệu Ultra high molecular weight polyethylene UHMWPE bên trong , (ISO 5834-2), bên ngoài chất liệu Implant Stainless steel ISO 5832-1 có các size 39mm-55mm, có vòng khóa chống trượt. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Bộ	15

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
Phần 03: Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E							
1	VT003			Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E	Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore μ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuỗi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. - Chiều dài chuỗi (tính từ cổ chuỗi đến cuối thân chuỗi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm. * Liner:Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2) kết hợp Vitamine E - Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm. * Head: Có đường kính 22.2mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chất liệu ISODUR® F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12) * Ổ cối: Loại ổ cối Plasmafit phủ công nghệ độc quyền Plasmapore® Pure titanium (Ti / ISO 5832-2), Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3) * Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3),góc xoay đa hướng +/- 9°. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Bộ	5
Phần 04: Khớp gối toàn phần Vega FB, gấp gối tối đa 160 độ							
1	VT004			Khớp gối toàn phần Vega FB, gấp gối tối đa 160 độ	Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu chính của Lõi Cầu và Mâm Chày làm bằng hợp kim Cobalt-Chrome Molybdenum (CoCrMo) đánh bóng bề mặt, bên ngoài được phủ bởi các lớp hợp kim chromium nitride, chromium carbon nitride ngoài cùng phủ lớp zirconium nitride nhằm hạn chế tối thiểu các trường hợp bệnh nhân mắc cảm với Cobalt và Chrome, lõi cầu đùi đa trục dạng J, thiết kế dạng chêm mặt cắt trước làm giảm thiểu mất xương và tăng diện tích tiếp xúc của lõi cầu lên bề mặt xương, gấp gối tối đa 160 độ. - Lõi cầu có các Size : F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7, F8. - Lớp đệm mâm chày được làm bằng vật liệu cao cấp Beta Polyethylent (UHMWPE -ISO 5834-2) có kích thước 10,12,14,16,18,20 mm, thiết kế nghiêng sau 3 độ làm giảm nguy cơ trật khớp. - Mâm chày thiết kế dạng vây cá gồm các size: T0, T1, T2, T3, T4, T5. Cơ chế kết hợp Mâm chày và lõi cầu : + T0: F1, F2, F3, khả thi F4 + T1: F1, F2, F3, F4, Khả thi F5 +T2 : F2, F3, F4, F5, Khả thi F1 và F6 + T3: F3, F4, F5, F6, Khả thi F2 và F7 +T4: F4, F5, F6, F7, Khả thi F3 +T5 :F5, F6, F7, Khả thi F4 Tiêu chuẩn: ISO, CE	Bộ	5

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
Phần 05: Khớp gối toàn phần nhân tạo AAP hệ thống rãnh trượt khóa mâm chày với lớp đệm, lõi cầu chất liệu COCR ,dạng PS, Hi-Flex							
1	VT005			Khớp gối toàn phần nhân tạo AAP hệ thống rãnh trượt khóa mâm chày với lớp đệm, lõi cầu chất liệu COCR ,dạng PS, Hi-Flex	1. Lõi cầu đùi: Vật liệu Cobalt Chrome, cạnh dày 9mm, mặt trước nghiêng 15 độ, độ gấp gối tối đa ≥ 145 độ, rãnh bánh chè được thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Thiết kế cắt xương tại rãnh liên lõi cầu. Có 9 cỡ mỗi bên trái và phải . +Tương ứng kích thước lõi cầu trong ngoài ML(mm): 59, 61, 64, 66, 68, 71, 73, 75,79. +Tương ứng kích thước lõi cầu trước sau AP(mm): 53, 56, 58, 61, 63, 66, 68,70, 72. +Lõi cầu sau bất đối xứng. Được đánh bóng với chất liệu hợp kim cobalt chromium CoCrMo 2. Lớp lót: Vật liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo . Có gờ khóa bằng cơ chế khóa ngàm cùng với rãnh trượt. Có 9 cỡ(1- 9) tương ứng bề dày mâm chày 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm. +Các sise lớp đệm có độ dày nhỏ nhất 6mm giúp bảo tồn xương tối đa. 3. Mâm chày : Mâm chày (Tibial tray) với 9 kích cỡ: size 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Thiết kế hệ thống trượt khóa mâm chày với lớp đệm +Tương ứng kích thước mâm chày trong ngoài ML(mm): 59, 63, 67, 71, 75, 79, 83, 87, 91. +Tương ứng kích thước mâm chày trước sau AP(mm):38, 41, 43, 46, 48, 51, 53, 56, 58. +Tương ứng chiều cao mâm chày Height of Keel(mm): 33, 33,36, 36, 36, 36, 39, 39, 39. 4. Bánh chè: Bánh chè (Patella) với đường kính: 25, 28, 31, 34, 37mm; độ dày có 2 kích cỡ 7.5mm và 10mm ,tái tạo bề mặt oval, tái tạo bề mặt cầu, hai mặt lõi. Chất liệu polyethylene Highly cross-linked UHMWPE. +Hỗ trợ kẹp bám da Xi'an Kaydee - Tiêu chuẩn: CE	Bộ	5
Phần 06: Khớp háng bán phần không xi măng TPS Titanium Plasma.							
1	VT006			Khớp háng bán phần không xi măng TPS Titanium Plasma.	Kết hợp với dụng cụ mổ lõi trước (Bao gồm 4 món): 1.Chuôi khớp không dùng xi măng VarioLoc TPS Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ hạt Titanium Plasma . Rãnh dọc giúp kích thích xương xấp nhanh bám vào đầu gắn chuôi, với đường cắt xương 41 độ .Góc cổ thân 131°, cổ chuôi 12/14mm, có 12 cỡ: 5:109mm(offset C:31mm;D:35mm), 6:111mm(offset C:31mm;D:35mm), 7.5:114mm(offset C:31mm;D:36mm), 9:117mm(offset C:31mm;D:37mm), 10:119mm(offset C:34mm;D:40mm), 11:121mm(offset C:34mm;D:41mm), 12.5:124mm(offset C:34mm;D:41mm), 13.5:126mm(offset C:37mm;D:45mm), 15:129mm(offset C:37mm;D:45mm), 16:132mm(offset C:37mm;D:46mm), 17,5:134mm(offset C:37mm;D:47mm), 20:139mm(offset C:37mm;D:48mm). 2.Chôm xương đùi: chất liệu CoCrMo, đường kính 22 (-3mm, 0mm) , 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm). Taper 12/14 3.Chôm bán phần Vario : bên ngoài chất liệu bằng hợp kim CoCrMo, đường kính ngoài từ 39-59mm, bước tăng 1mm. 4.Lớp lót bên trong bằng Polyethylene UHMWPE có thể tách rời và vòng khóa chôm , bao gồm các size 39-41mm,42-44mm,45-47mm,48-50mm,51-53mm,54-56mm,57-59mm	Bộ	10

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT018			Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-VarioCup.	01. Cuồng xương đùi LCU (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có 11 kích cỡ. Góc cổ thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. 02. Đầu xương đùi CoCrMo : Đường kính 22 (-3.5,0); 24 (-3.5,0)mm với bipolar cup 40 - 42mm. Đường kính 28 (-3.5,0,+3.5)mm với bipolar cup 44 - 64mm. 03. Đầu bipolar VarioCup CoCrMo: Bên trong là Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), Vòng khóa an toàn Safety Ring bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), 13 size 40 - 64mm Có chứng nhận tiêu chuẩn ISO và CE.	Bộ	10
Phần 19: Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-MobileLink, Metal on PE							
1	VT019			Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-MobileLink, Metal on PE	01. Cuồng xương đùi LCU (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có 11 kích cỡ. Góc cổ thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. 02. Đầu xương đùi CoCrMo : Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36(-4,0,+4)mm. 03. Lớp đệm X-LINKed nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) 6 cỡ: A đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) B đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) C đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm) D đường kính trong 36mm (ổ cối 54 - 56mm) E đường kính trong 36mm (ổ cối 58 - 60mm) F đường kính trong 36mm (ổ cối 62 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí. 04. Ổ cối MobileLink loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm. 05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lõi trước Có tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE	Bộ	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
Phần 20: Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-MobileLink, Ceramic on PE.							
1	VT020			Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-MobileLink, Ceramic on PE.	01. Cuồng xương đùi LCU hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có 11 kích cỡ. Góc cổ thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. 02. Đầu xương đùi gốm (ceramic): Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm,32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm. 03. Lớp đệm X-LINKed nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) 6 cỡ: A đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) B đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) C đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm) D đường kính trong 36mm (ổ cối 54 - 56mm) E đường kính trong 36mm (ổ cối 58 - 60mm) F đường kính trong 36mm (ổ cối 62 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí. 04.Ổ cối MobileLink loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm. 05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lõi trước Có tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE	Bộ	10
Phần 21: Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền Plasma							
1	VT021			Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền Plasma	1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100° - Lớp lót chất liệu Cross-linked polyethylene, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ. 2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm,±3,5mm,+7mm). 3. Cuồng xương đùi chất liệu Hợp kim Titanium, Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm).Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14 * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA	Bộ	10

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT031		N06.04.053	Khớp gối các loại, các cỡ	1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): - Chất liệu: CoCrMo. Kích cỡ: Có 6 cỡ trái/ phải. Lõi cầu dày 9mm và không có hộp (Boxless) - Nghiêng trước 4° để giảm notching. Rãnh bánh chè 6 độ; - Đa bán kính: bán kính thứ nhất mở rộng đến góc gấp 30 độ, bán kính thứ hai hoạt động đến góc gấp 90 độ. 2. Mâm chày (Tibial Baseplate): - Chất liệu: CoCrMo bóng như gương đoạn cuối có nút mâm chày (Tibial Plug). Kích cỡ: 6 cỡ đồng dạng, dạng mô-đun hoàn hảo: bất kỳ size nào của insert cũng đều tương thích với bất kỳ size nào của mâm chày. Mâm chày tương thích với 28 cỡ cuống xương chày, chiều dài 60, 100, 140mm 3. Lớp đệm Biolock coupling (Tibial Insert): - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử. Kích cỡ: 6 cỡ từ 1-6, độ dày: 10, 12, 14, 16mm - Kiểu UC đồng dạng hoặc DC (phân biệt trái/ phải) mặt trong lớp đệm hình cầu cho phép lõi cầu đùi xoay quanh trục trong lúc gấp gối. Dạng hy sinh dây chằng chéo sau, mặt trước nhô cao nhằm tránh khớp gối trượt ra phía trước, cơ chế khóa Biolock độc nhất và vít tăng cường. Vít M5 được thiết kế đặc biệt nhằm ngăn chặn vít bung ra khỏi lớp đệm. Lực xoắn tháo vít tương đương 3.4Nm; 4. Bánh chè (Patella): - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử UHMWPE, Kích cỡ: 28,32,36mm, độ dày 8, 9, 10mm, đồng dạng, ba chân, tương thích với tất cả các cỡ lõi cầu đùi 5. Xi măng: sinh học có kháng sinh Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE Xuất xứ: G7	Bộ	10
Phần 31: Khớp háng bán phần không xi măng							
1	VT032			Khớp háng bán phần không xi măng	1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá, cổ có gờ - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$. - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - 5°40' - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương. - Kích cỡ: từ size 9-16 (bước tăng 1), tương ứng với chiều dài từ 130-170mm 2. Đầu xương đùi (chỏm): - Vật liệu: thép không rỉ - Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) 3. Ổ cối bán phần: - Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không rỉ, bên trong bằng polyethylene - Bề mặt ngoài được đánh bóng cao với độ nhám $<0,5\mu\text{m}$ - Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp. - Kích cỡ: 38-60 (bước tăng 2) * Tiệt trùng bằng tia Gamma * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7	Bộ	30

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT034			Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - $5^\circ 40'$. - Cổ chuôi hình elíp và được đánh bóng gương - Kích cỡ: từ size 8-16 (bước tăng 1), tương ứng với chiều dài từ 87-170mm - Tiệt trùng bằng tia Gamma 2. Ổ cối: - Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Có 2 loại ổ cối: Loại ổ cối bắt vít; và loại ổ cối không bắt vít (có đỉnh trên thân ổ cối); quanh viền có ≥ 4 đỉnh, đỉnh có ≥ 4 đỉnh - Kích cỡ: 46-62 (bước tăng 2) - Tiệt trùng bằng tia Gamma 3. Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene - Kích cỡ: 39, 44, 48 - Tiệt trùng bằng ethylene oxide 4. Đầu xương đùi (chỏm): - Vật liệu: Thép không rỉ - Đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) - Tiệt trùng bằng tia Gamma 5. Vít ổ cối: - Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium - Đường kính 5.5mm, chiều dài 25-45mm bước tăng 5mm - Tiệt trùng bằng tia Gamma * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7	Bộ	20
Phần 34: Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasma và HA toàn phần, góc cổ chuôi 135°							
1	VT035			Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasma và HA toàn phần, góc cổ chuôi 135°	1. Chuôi khớp có cổ chuôi 12/14, góc cổ chuôi 135°, chất liệu Titanium, phủ HA toàn thân chuôi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa. Có ≥ 11 kích cỡ chuôi có chiều dài $\geq 116\text{ mm}$ đến $\leq 186\text{mm}$, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuôi có chiều dài $\leq 120\text{mm}$. Có 2 loại chuôi tiêu chuẩn và chuôi có độ di lệch cổ ngang $\geq 7.5\text{mm}$ có vành cổ chuôi và không có vành cổ chuôi. 2. Ổ cối hình bán cầu, đỉnh phẳng, chất liệu Titanium phun plasma titan nhám phủ HA, có ≥ 3 lỗ bắt vít và ≥ 13 kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1 chén có kích cỡ $\leq 42\text{mm}$; Kích thước chỏm tương ứng : Ổ cối cỡ ≤ 48 sử dụng chỏm 32mm; cỡ 50-52 sử dụng chỏm 36mm; cỡ ≥ 54 sử dụng chỏm 40mm. 3. Lớp đệm: Chất liệu Xlinked Poly, có bờ chống trật 0 độ và 15 độ 4. Chỏm xương đùi: Chất liệu CoCrMo có đường kính: 22mm; 28mm; 32mm; 36mm	Bộ	30

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
					5. Vít: đường kính 6,5mm; chiều dài 20-50mm bước tăng 5mm; côn 24 độ; Tiêu chuẩn CE hoặc FDA, ISO		
Phần 35: Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic On PoLy, chuỗi phủ Plasma và HA toàn phần, góc cổ chuỗi 135°							
1	VT036			Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic On PoLy, chuỗi phủ Plasma và HA toàn phần, góc cổ chuỗi 135°	1. Chuỗi khớp có cổ chuỗi 12/14, góc cổ chuỗi 135 độ, chất liệu Titanium, phủ HA toàn thân chuỗi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa. Có ≥ 11 kích cỡ chuỗi có chiều dài ≥ 116 mm đến ≤ 186 mm, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuỗi có chiều dài ≤ 120 mm. Có 2 loại chuỗi tiêu chuẩn và chuỗi có độ di lệch cổ ngang ≥ 7.5 mm có vành cổ chuỗi và không có vành cổ chuỗi. 2. Ổ cối hình bán cầu, đỉnh phẳng, chất liệu Titanium phun plasma titan nhám phủ HA, có ≥ 3 lỗ bắt vít và ≥ 13 kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1 chén có kích cỡ ≤ 42 mm; Kích thước chỏm tương ứng : Ổ cối cỡ ≤ 48 sử dụng chỏm 32mm; cỡ 50-52 sử dụng chỏm 36mm; cỡ ≥ 54 sử dụng chỏm 40mm. 3. Lớp đệm: Chất liệu Xlinked Poly, có bờ chống trật 0 độ và 15 độ 4. Chỏm xương đùi chất liệu Delta Alumina Ceramic với các đường kính 28mm, 32mm, 36mm, 40mm với 3 kích cỡ chiều dài cổ S, M, L cho mỗi đường kính. 5. Vít: đường kính 6,5mm; chiều dài 20-50mm bước tăng 5mm; côn 24 độ; Tiêu chuẩn CE hoặc FDA, ISO	Bộ	10
Phần 36: Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic On Ceramic, chuỗi phủ Plasma và HA toàn phần, góc cổ chuỗi 135°							
1	VT037			Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic On Ceramic, chuỗi phủ Plasma và HA toàn phần, góc cổ chuỗi 135°	1. Chuỗi khớp có cổ chuỗi 12/14, góc cổ chuỗi 135 độ, chất liệu Titanium, phủ HA toàn thân chuỗi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa. Có ≥ 11 kích cỡ chuỗi có chiều dài ≥ 116 mm đến ≤ 186 mm, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuỗi có chiều dài ≤ 120 mm. Có 2 loại chuỗi tiêu chuẩn và chuỗi có độ di lệch cổ ngang ≥ 7.5 mm có vành cổ chuỗi và không có vành cổ chuỗi. 2. Ổ cối hình bán cầu, đỉnh phẳng, chất liệu Titanium phun plasma titan nhám phủ HA, có ≥ 3 lỗ bắt vít và ≥ 13 kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1 chén có kích cỡ ≤ 42 mm; Kích thước chỏm tương ứng : Ổ cối cỡ ≤ 48 sử dụng chỏm 32mm; cỡ 50-52 sử dụng chỏm 36mm; cỡ ≥ 54 sử dụng chỏm 40mm. 3. Lớp đệm: Chất liệu BioloX Delta, đường kính 32, 36, 40mm 4. Chỏm xương đùi chất liệu Delta Alumina Ceramic với các đường kính 28mm, 32mm, 36mm, 40mm với 3 kích cỡ chiều dài cổ S, M, L cho mỗi đường kính. 5. Vít: đường kính 6,5mm; chiều dài 20-50mm bước tăng 5mm; côn 24 độ; Tiêu chuẩn CE hoặc FDA, ISO	Bộ	5
Phần 37: Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng, chén in 3D nguyên khối (hoặc tương tự)							
1	VT038			Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng, chén in	1. Chuỗi khớp có cổ chuỗi 12/14, góc cổ chuỗi 135 độ, chất liệu Titanium, phủ HA toàn thân chuỗi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa. Có ≥ 11 kích cỡ chuỗi có chiều dài ≥ 116 mm đến ≤ 186 mm, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuỗi có chiều dài ≤ 120 mm. Có 2 loại chuỗi tiêu chuẩn và chuỗi có độ di lệch cổ ngang ≥ 7.5 mm có vành cổ chuỗi và không có vành cổ chuỗi.	Bộ	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
				3D nguyên khối (hoặc tương tự)	2. Ổ cối in 3 chiều nguyên khối từ bột CoCrMo phù HA dày $\geq 40\mu\text{m}$, có kích thước lỗ xóp trung bình $\geq 700\mu\text{m}$, độ xóp $\geq 63,3\%$. Hình bán cầu, có thêm lớp viền hình trụ nâng cao $\geq 3\text{mm}$ chống trật khớp. Có ≥ 13 kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1 chén có kích cỡ $\leq 42\text{mm}$. Ổ cối cỡ $\geq 48\text{mm}$ sử dụng chòm 28mm; 3. Lớp đệm di động Cross-linked PE: Chất liệu UHMWPE (ISO 5834/1-2) 4. Chòm xương đùi: chất liệu CoCrMo với các đường kính: 22.2mm ; 28mm Tiêu chuẩn CE hoặc FDA, ISO		
Phần 38: Khớp gối toàn phần di động, ổn định phía sau với kỹ thuật phẫu thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở lòng tủy xương đùi							
1	VT039			Khớp gối toàn phần di động, ổn định phía sau với kỹ thuật phẫu thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở lòng tủy xương đùi	1. Lõi cầu: chất liệu CoCrMo, có 7 kích cỡ #1(60*34,8*16mm); #2(63*37,8*16mm); #3(66,2*41*18mm); #4(69,5*44,4*18mm); #5(73*48*20mm); #6(76,7*51,8*20mm); #7(80,5*55,8*22mm), nghiêng trước 6°, nghiêng sau 3°. 2. Lớp đệm di động chất liệu UHMWPE. Có 7 kích cỡ từ #1(37,2*59mm); #2(38,7*62,2mm); #3(40,3*65,5mm); #4(41,9*69mm); #5(43,6*72,7mm); #6(45,2*76,5mm); #7(46,8*80,5mm) với 5 độ dày 10mm, 12mm, 14mm, 17mm, 20mm. 3. Mâm chày di động chất liệu CoCrMo. Có 7 kích cỡ với các kích thước #1(41*63mm); #2(43*66,2mm); #3(45*69,5mm); #4(47,5*73mm); #5(49,8*77,7mm); #6(52,3*80,5mm); #7(54,7*84,5mm). 4. Xi măng xương có kháng sinh Gentamicin, độ nhớt trung bình, màu xanh, có $\geq 40\text{g}$ bột có thành phần Polymethyl methacrylate, Barium Sulphate, Benzoyl Peroxide, Gentamicin Sulphate, Coloured Pigments. Tương thích với Hệ thống cân chỉnh tùy phụ để áp dụng kỹ thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở rộng lòng tủy xương đùi	Bộ	15
Phần 39: Khớp gối toàn phần cố định loại ổn định phía sau tương thích với kỹ thuật phẫu thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở lòng tủy xương đùi							
1	VT040			Khớp gối toàn phần cố định loại ổn định phía sau tương thích với kỹ thuật phẫu thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở lòng tủy xương đùi	1. Lõi cầu: chất liệu CoCrMo, có 7 kích cỡ #1(60*34,8*16mm); #2(63*37,8*16mm); #3(66,2*41*18mm); #4(69,5*44,4*18mm); #5(73*48*20mm); #6(76,7*51,8*20mm); #7(80,5*55,8*22mm), nghiêng trước 6°, nghiêng sau 3°. 2. Lớp đệm cố định: chất liệu UHMWPE, có 7 kích cỡ #1(39*60mm); #2(41*63mm); #3(43*66,2mm); #4(45,2*69,5mm); #5(47,5*73mm); #6(49,8*76,7mm); #7(52,3*80,5mm) với 5 độ dày 10mm, 12mm, 14mm, 17mm, 20mm, có chèn xương chày cố định phía sau 3. Mâm chày cố định: chất liệu Ti6Al4V, có 8 kích cỡ #1(39*60mm); #2(41*63mm); #3(43*66,2mm); #4(45,2*69,5mm); #5(47,5*73mm); #6(49,8*76,7mm); #7(52,3*80,5mm); #7plus(54,7*84,5mm) 4. Bánh chèn: chất liệu UHMWPE, tiết trùng ETO. Độ dày: 8mm, đường kính: 27mm, 30mm, 33mm, 36mm 5. Xi măng xương có kháng sinh Gentamicin, độ nhớt trung bình, màu xanh, có $\geq 40\text{g}$ bột có thành phần Polymethyl methacrylate, Barium Sulphate, Benzoyl Peroxide, Gentamicin Sulphate, Coloured Pigments. Tương thích với Hệ thống cân chỉnh tùy phụ để áp dụng kỹ thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở rộng lòng tủy xương đùi	Bộ	10

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT042		N06.04.051	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần không xi măng Metal on Poly 1. Cuồng xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20μm, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142 , 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 125° và 135°, cổ chuôi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc 5°42'30"). 2. Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Cobalt Chrome/ thép không gỉ, đường kính 28, 32, 36mm, gồm: S (-4), M (0,0), L (+4), S (-3.5), L (+3.5), XL (+7), XXL (+11); S,M,L,XL, XXL 3. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Plasma Ti-Growth-C titanium Plasma Spray (400+/-100 micron) hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vay cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conical Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 4. Lớp lót (Liner): - Chất liệu XLPE (ISO 5834-2) Crosslinked/ XLPE+Vitamin E, đường kính 28, 32, 36mm; kích thước: 42mm; 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm. - Có hoặc không có bờ chống trượt 5. Vít ổ cối: -Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-60mm. Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE Xuất xứ: G7	Bộ	15

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT050			Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi dài	1/ Cuồng khớp: + Chất liệu Cobalt Crom với bề mặt chuỗi được thối corundum + Cuồng khớp có 5 rãnh dọc với độ sắc nét tối ưu dính chặt vào bên trong xương đùi nhằm tối ưu hóa sự ô định quay và định hình xương cao - Cổ côn 12/14 linh hoạt cho cổ xương đùi - Góc cổ cuồng khớp (CCD): 135 độ - Chiều dài cổ cuồng 40mm độ lệch đầu (độ nghiêng ra so với thân chuỗi) 43-44mm - Thiết kế chuỗi dài và rãnh dọc dài cung cấp sự ổn định chắc chắn đến phần xương khỏe, các rãnh dọc cũng có lợi cho sự ghép xương. + Kích cỡ chuỗi: số 12/14/16; chiều dài 200mm và 250mm. 2/ Chôm khớp + Chất liệu Cobalt-Chrome (CoCr): - Đường kính 22,2mm (-2,5; 0; +2,5); 28mm (-4; 0; +4). - Thiết kế không vấy để tối ưu hóa phạm vi chuyển động 3/ Vô đầu chỏm - Chất liệu: SS316L với liên kết UHMWPE cao phân tử. - Thiết kế vô đầu chỏm tự định tâm với vòng tròn khóa chống trật cho đầu xương đùi. - Bề mặt bên ngoài được đánh bóng để giảm ma sát và chuyển động tốt hơn với liên kết UHMWPE cao phân tử + Kích cỡ đầu chỏm bên trong: - Đối với vô đầu chỏm: 39 - 43mm sử dụng chỏm 22.2mm - Đối với vô đầu chỏm: 45 - 53mm sử dụng chỏm 28mm 4/ Tiêu chuẩn ISO, CE và 2 FSC (ít nhất có 1 FSC thuộc nhóm G7)	Bộ	5

Phần 50: Khớp háng toàn phần ceramic không xi măng

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT051			Khớp háng toàn phần ceramic không xi măng	1/ Cuồng khớp + Chất liệu Ti-6Al-4V ELI - Cuồng khớp được phủ hợp chất Hydroxiapatite (HA) toàn chuỗi 150±50 microns giúp quá trình tích hợp xương nhanh hơn. - Có rãnh dọc và ngang mang lại sự ổ định nhằm cho chống xoay và chống trượt/lún. - Góc cổ cuồng khớp (CCD): 135 độ, cổ còn 12/14; phạm vi chuyển động 148 độ - Chiều dài cổ cuồng 38.5mm độ lệch đầu (độ nghiêng ra so với thân chuỗi) 38-44mm - Kích cỡ cuồng số 0/ 1/ 2/ 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8; chiều dài 115/ 130/ 140/ 146/ 150/ 154/ 161/ 166/ 170mm. 2/ Chôm khớp + Chất liệu Advanced Ceramic (Aluminum Oxide) thể hệ thứ tư; - BIOLOX R DELTA là loại sứ duy nhất có 11 năm kinh nghiệm lâm sản thành công với hơn 5 triệu bộ phận được cấy ghép - Tỷ lệ hao mòn thấp, nâng khả năng tương thích sinh học vượt trội và độ ổn định tuyệt vời trong cơ thể - Độ cứng giống như kim cương của vật liệu và độ cầu chính xác Đường kính đầu (head) : 28/32/36 (0, ±4) 3/ Lót ổ cối + Chất liệu: XLPE. Highly Crosslinked Polyethylene là poly liên kết chéo XLPE chống mài mòn cao, gờ chống trật 20°chống trật phía sau - Cấu hình hình ngôi sao (bán cầu) để tránh chuyển động quay của lớp lót ổ cối với ổ cối - Kích cỡ lót ổ cối: 44-46 dùng chòm khớp 28mm, 48-50 dùng chòm khớp 32mm, 52-60 dùng chòm khớp 36mm 4/ Ổ cối + Chất liệu: Ti6Al4v ELi - Ổ cối phủ lớp Titanium TPS dày 700 micron thiết kế không đối xứng cho độ xốp cao theo tiêu chuẩn ASTM - Thiết kế lỗ cụm để cố định và ổ định vít tốt hơn - Bề mặt bên trong được đánh bóng cao để tránh ma sát - Thiết kế hình ngôi sao (bán cầu) đều cho sự ổn định với lót ổ cối ổ định nhằm chống trượt/trật và chống xoay lót ổ cối khi vận động - Kích cỡ ổ cối: 44-60mm dùng dùng chòm khớp 28/32/36 5/ Vít ổ cối: + Chất liệu Titanium Ti-6Al-4V ELi chiều dài 20/25/30/35mm; đường kính vít 6,5mm. 6/ Tiêu chuẩn ISO, CE và 2 FSC (ít nhất có 1 FSC thuộc nhóm G7)	Bộ	10

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT053			Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi dài	1/ Cuồng khớp: + Chất liệu Cobalt Crom với bề mặt chuôi được thổi corundum + Cuồng khớp có 5 rãnh dọc với độ sắc nét tối ưu dính chặt vào bên trong xương đùi nhằm tối ưu hóa sự ổn định quay và định hình xương cao - Cổ côn 12/14 linh hoạt cho cổ xương đùi - Góc cổ cuồng khớp (CCD): 135 độ - Chiều dài cổ cuồng 40mm độ lệch đầu (độ nghiêng ra so với thân chuôi) 43-44mm - Thiết kế chuôi dài và rãnh dọc dài cung cấp sự ổn định chắc chắn đến phần xương khỏe, các rãnh dọc cũng có lợi cho sự ghép xương. + Kích cỡ chuôi: số 12/14/16; chiều dài 200mm và 250mm. 2/ Chôm khớp + Chất liệu Cobalt-Chrome (CoCr): - Thiết kế không váy để tối ưu hóa phạm vi chuyển động - Đường kính đầu (head) : 28/32/36 (0, ±4) 3/ Lót ổ cối + Chất liệu: XLPE. Highly Crosslinked Polyethylene là poly liên kết chéo XLPE chống mài mòn cao, gờ chống trật 20°chống trật phía sau - Cấu hình hình ngôi sao (bán cầu) để tránh chuyển động quay của lớp lót ổ cối với ổ cối - Kích cỡ lót ổ cối: 44-46 dùng chỏm khớp 28mm, 48-50 dùng chỏm khớp 32mm, 52-60 dùng chỏm khớp 36mm 4/ Ổ cối + Chất liệu: Ti6Al4v ELi - Ổ cối phủ lớp Titanium TPS dày 700 micron thiết kế không đối xứng cho độ xốp cao theo tiêu chuẩn ASTM - Thiết kế lỗ cụm để cố định và ổn định vít tốt hơn - Bề mặt bên trong được đánh bóng cao để tránh ma sát - Thiết kế hình ngôi sao (bán cầu) đều cho sự ổn định với lót ổ cối ổn định nhằm chống trượt/trật và chống xoay lót ổ cối khi vận động - Kích cỡ ổ cối:i 44-60mm dùng dùng chỏm khớp 28/32/36 5/ Vít ổ cối: Chất liệu: Titanium Ti-6Al-4V ELi chiều dài 20/25/30/35mm; đường kính vít 6,5mm. 6/ Tiêu chuẩn ISO, CE và 2 FSC (ít nhất có 1 FSC thuộc nhóm G7)	Bộ	5

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT054			Khớp háng toàn phần Hybris	1/ Cuồng khớp + Chất liệu Thép không gỉ tiêu chuẩn SS 316 L - Cuồng khớp Thiết kế thon gấp 2 lần và độ bóng cao giảm áp lực cắt trên lớp phủ xi măng và đảm bảo lực tải trọng nén xuyên qua được duy trì trên xi măng - Góc cổ cuồng khớp (CCD): 125 độ, cổ còn 12/14 - Chiều dài cổ cuồng 37-45mm độ lệch đầu (độ nghiêng ra so với thân chuôi) 35-39mm - Kích cỡ cuồng số 1/ 2/ 3/ 4/ 5 - Chiều dài 127/149/149/149/149mm. 2/ Chôm khớp + Chất liệu Cobalt-Chrome (CoCr): - Thiết kế không váy để tối ưu hóa phạm vi chuyển động - Đường kính đầu (head) : 28/32/36 (0, ±4) 3/ Lót ổ cối + Chất liệu: XLPE. Highly Crosslinked Polyethylene là poly liên kết chéo XLPE chống mài mòn cao, gờ chống trật 20° chống trật phía sau - Cấu hình hình ngôi sao (bán cầu) để tránh chuyển động quay của lớp lót ổ cối với ổ cối - Kích cỡ lót ổ cối: 44-46 dùng chòm khớp 28mm, 48-50 dùng chòm khớp 32mm, 52-60 dùng chòm khớp 36mm 4/ Ổ cối + Chất liệu: Ti6Al4v ELi - Ổ cối phủ lớp Titanium TPS dày 700 micron thiết kế không đối xứng cho độ xốp cao theo tiêu chuẩn ASTM - Thiết kế lỗ cụm để cố định và ổ định vít tốt hơn - Bề mặt bên trong được đánh bóng cao để tránh ma sát - Thiết kế hình ngôi sao (bán cầu) đều cho sự ổn định với lót ổ cối ổ định nhằm chống trượt/trật và chống xoay lót ổ cối khi vận động - Kích cỡ ổ cối: 44-60mm dùng dùng chòm khớp 28/32/36 5/ Vít ổ cối: Chất liệu: Titanium Ti-6Al-4V ELi chiều dài 20/25/30/35mm; đường kính vít 6,5mm. 6/ Xi măng và dụng cụ bơm xi măng. 7/ Nút chặn xi măng: đường kính 8/ 10/ 12/ 14/ 16mm; dài 15 /15 /18 /20 /25mm. 8/ Tiêu chuẩn ISO, CE và 2 FSC (ít nhất có 1 FSC thuộc nhóm G7)	Bộ	5
Phần 54: Bộ nẹp khóa chữ T nhỏ nghiêng các cỡ							
1	VT055			Nẹp khóa chữ T nhỏ nghiêng các cỡ	Nẹp khóa 3 lỗ đầu/3,4,5,6 lỗ thân, ,rộng 25/10.5mm, dài từ 55/65/80/90mm, dày 1.8mm. Dùng vít khóa đk 3.8mm	cái	15
2	VT056			Vít khóa dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít khóa 3.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	120

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
3	VT057			Vít xương cứng dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 3.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	30
Phần 55: Bộ nẹp khóa bản nhỏ các cỡ							
1	VT058			Nẹp khóa bản nhỏ các cỡ	Nẹp khóa 6-12 lỗ, rộng 10mm, dài từ 95/125/155/185/215/245/275mm, dày 3mm. Dùng vít khóa 3.8mm	cái	20
2	VT059			Vít khóa dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít khóa 3.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	200
3	VT060			Vít xương cứng dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 3.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	30
Phần 56: Bộ nẹp khóa bản hẹp							
1	VT061			Nẹp khóa bản hẹp các cỡ	Nẹp khóa 6-12 lỗ, rộng 12mm, dài 110/120/130/140/150/160/170mm, dày 4mm. Dùng vít khóa 4.8mm	cái	20
2	VT062			Vít khóa đk 4.8mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 4.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	200
3	VT063			Vít xương cứng 4.5mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 4.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	30
Phần 57: Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay (PHILOS)							
1	VT064			Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay (PHILOS) dài các cỡ	Nẹp khóa 9 lỗ đầu, từ 3-9 lỗ thân, rộng 12.5/22mm, dài 80/95/110/125/140/155/170 mm, dày 3mm. Dùng vít khóa đk 3.8mm. Chất liệu Thép không gỉ	cái	15
2	VT065			Vít khóa tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 3.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	150
3	VT066			Vít xương cứng dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 3.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	30
Phần 58: Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay có hỗ trợ (chữ Y)							
1	VT067			Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay có hỗ trợ (chữ Y) hoặc không hỗ trợ trái, phải các cỡ, dùng vít 3.8mm	Nẹp khóa 3 lỗ đầu, từ 3-10 lỗ thân, rộng 25/12mm, dày 2.5mm dài 65/80/95/110/125/140/155/170mm. Dùng vít khóa 3.8mm. Chất liệu thép không gỉ	cái	15

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
2	VT068			Vít khóa tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 3.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	150
3	VT069			Vít xương cứng dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 3.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	40
Phần 59: Bộ Nẹp khoá xương đòn, xương cùng đòn							
1	VT070			Nẹp khoá xương đòn các cỡ	Nẹp khóa xương đòn từ 5-9 lỗ, trái/phải, rộng 10mm, dài 85/100/115/130/145mm, dày 3mm. Dùng vít khóa đk 3.8mm. Chất liệu thép không gỉ	cái	15
2	VT071			Vít khóa tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 3.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	150
3	VT072			Vít xương cứng dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 3.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	30
Phần 60: Bộ Nẹp khoá móc đầu xa xương đòn							
1	VT073			Nẹp khoá móc đầu xa xương đòn dài các cỡ	Nẹp khóa móc đầu xa xương đòn, trái/phải, từ 3-8 lỗ, rộng 22/11mm, dài 125/140/155/170/185/200mm, dày 4mm. Dùng vít khóa đk 3.8mm, Chất liệu thép không gỉ	cái	15
2	VT074			Vít khóa tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 3.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	150
3	VT075			Vít xương cứng dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 3.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	30
Phần 61: Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương chày mặt trong dài các cỡ							
1	VT076			Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương chày mặt trong dài các cỡ	Nẹp khóa 4 lỗ đầu, 3-14 lỗ thân, rộng 22/13.5mm, dài 99/117/135/153/171/188/205/223/240/258/275/292mm, dày 4mm. Vít khóa đường kính 3.8mm và vít khóa 4.8mm, vít xương cứng đường kính 4.5mm, dài các cỡ. Chất liệu Thép không gỉ	cái	15
2	VT077			Vít khóa đk 3.8mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 3.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	120
3	VT078			Vít khóa đk 4.8mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 4.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	120
4	VT079			Vít xương cứng 4.5mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 4.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	cái	30
Phần 62: Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương đùi, trái/phải, 5-11 lỗ							

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT080			Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương đùi, trái/phải, 5-11 lỗ	Nẹp khóa 7 lỗ đầu, từ 5-14 lỗ thân, rộng 33/18mm, dài từ 153/175/197/220/242/265/287/310/332/365 mm, dày 5mm. Dùng vít khóa 4.8mm và vít khóa xóp 6.5mm. Chất liệu Thép không gỉ	cái	15
2	VT081			Vít khóa đk 4.8mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 4.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	120
3	VT082			Vít khóa xóp đk 6.5mm, các cỡ	- Đường kính vít khóa xóp 6.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	120
4	VT083			Vít xương cứng 4.5mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 4.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	Cái	40
Phần 63: Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày trái, phải các cỡ							
1	VT084			Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày trái, phải các cỡ	Nẹp khóa 5 lỗ đầu, từ 3-12 lỗ thân, rộng 24/17mm, dài 100/120/140/160/180/200/220/240/260/280mm, dày 5mm. Dùng vít khóa 4.8mm và vít khóa xóp 6.5mm. Chất liệu Thép không gỉ	cái	15
2	VT085			Vít khóa đk 4.8mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 4.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	100
3	VT086			Vít khóa xóp đk 6.5mm, các cỡ	- Đường kính vít khóa xóp 6.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	100
4	VT087			Vít xương cứng 4.5mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 4.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	Cái	30
Phần 64: Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi							
1	VT088			Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	Nẹp khóa 3lỗ đầu, từ 4-14 lỗ thân, rộng 18mm, dài 175/200/225/250/275/300/325/350/375/400/425mm, dày 6mm. Dùng vít khóa 4.8mm và vít khóa xóp 6.5mm. Chất liệu Thép không gỉ	cái	15
2	VT089			Vít khóa đk 4.8mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 4.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	cái	120
3	VT090			Vít khóa xóp đk 6.5mm, các cỡ	- Đường kính vít khóa xóp 6.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	120
4	VT091			Vít xương cứng 4.5mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính vít 4.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	Cái	40
Phần 65: Bộ Nẹp khóa DHS, dài các cỡ							

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT092			Nẹp khóa DHS, dài các cỡ	Nẹp khóa DHS cổ nghiêng góc 135 độ, từ 4-10 lỗ thân, rộng 19mm, dài 120/140/160/180/200/220/240mm, dày 6mm. Vít DHS + vít nén, Dùng vít khóa đk 4.8mm. Chất liệu thép không gỉ	cái	5
2	VT093			Vít DHS dài các cỡ + Vít nén	Vít DHS chiều dài ≥ 50 mm Vít nén dài các cỡ - Chất liệu thép không gỉ	cái	20
3	VT094			Vít khóa đk 4.8mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Đường kính vít khóa 4.8mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô - Chất liệu thép không gỉ	Cái	100
4	VT095			Vít xương cứng 4.5mm, tự ta rô, dài các cỡ	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính vít 4.5mm, dài các cỡ, đầu vít tự ta rô	Cái	20
Phần 66: NẸP VÍT ĐA HƯỚNG MINI 2.4							
1	VT096			Nẹp khóa thẳng	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp. Chất liệu: Titanium tinh khiết Thân nẹp có từ 4 - 8 lỗ, tương ứng chiều dài từ 37mm - 65mm, chiều rộng ≥ 6.5 mm, dày ≥ 1.5 mm, khoảng cách giữa các lỗ 7mm-7.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	10
2	VT097			Nẹp khóa mắt xích	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp. Chất liệu: Titanium tinh khiết Thân nẹp có từ 4 - 8 lỗ, tương ứng chiều dài 33mm - 62mm, chiều rộng ≥ 6 mm, dày ≥ 1.3 mm, khoảng cách giữa các lỗ 7.25mm-7.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	10
3	VT098			Nẹp khóa đầu 2 lỗ	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp. Chất liệu: Titanium tinh khiết Đầu 2 lỗ, thân có từ 3 - 7 lỗ, tương ứng chiều dài từ 29mm - 58mm, chiều rộng ≥ 6.4 mm, dày ≥ 1.3 mm, khoảng cách giữa các lỗ 7.25mm-7.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	10
4	VT099			Nẹp khóa đầu 3 lỗ	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp. Chất liệu: Titanium tinh khiết Đầu 3 lỗ, thân có từ 3 - 7 lỗ, tương ứng chiều dài từ 28mm - 56mm, chiều rộng ≥ 6 mm, dày ≥ 1.2 mm, khoảng cách giữa các lỗ 7mm-7.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
5	VT100			Nẹp khóa chữ L	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp. Chất liệu: Titanium tinh khiết Nẹp có từ 3 - 7 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài từ 27mm - 55mm, chiều rộng ≥ 6 mm, dày ≥ 1.2 mm, khoảng cách giữa các lỗ 7mm-7.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	10
6	VT101			Nẹp khóa đầu dưới xương quay, đầu 9 lỗ	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp. Chất liệu: Titanium tinh khiết Đầu 9 lỗ, thân có từ 2 - 8 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài từ 40mm - 94mm, chiều rộng ≥ 9 mm, dày ≥ 1.6 mm, khoảng cách giữa các lỗ 9mm-9.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	10
7	VT102			Nẹp khóa đầu dưới xương trụ	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp. Chất liệu: Titanium tinh khiết Thân nẹp có từ 6 - 8 lỗ, tương ứng chiều dài từ 39mm - 53mm, chiều rộng ≥ 6 mm, dày ≥ 1.6 mm, khoảng cách giữa các lỗ 7mm-7.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	20
8	VT103			Nẹp khóa đầu xương quay	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp. Chất liệu: Titanium tinh khiết Thân nẹp có từ 2 - 4 lỗ, trái/ phải, tương ứng chiều dài từ 36mm - 54mm, chiều rộng ≥ 7 mm, dày ≥ 1.6 mm, khoảng cách giữa các lỗ 9mm-9.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	10
9	VT104			Vít vò đường kính 2.4mm	Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI). Đường kính 2.4mm, chiều dài từ 6 đến 36mm. Đầu vắn hình ngôi sao, đầu vít đường kính ≥ 4.05 mm, đường kính lõi ≥ 1.9 mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	cái	100
10	VT105			Vít rỗng nén ép không đầu, đường kính 2.4mm	Chất liệu hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI) - Đường kính 2.4mm. - Loại ren ngắn: chiều dài ren từ 4mm đến 10mm, vít có chiều dài từ 10mm đến 40mm. - Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
11	VT106			Vít khóa đa hướng đường kính 2.4mm	Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI). - Đường kính 2.4mm, chiều dài từ 6mm đến 30mm. Đầu vắn hình ngôi sao, đầu vít đường kính ≥ 3.5 mm, đường kính lõi ≥ 1.9 mm.	cái	220

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
					- Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. - Xuất xứ: Châu Âu		
Phần 67: NẸP KHÓA VÍT KHÓA ĐA HƯỚNG							
1	VT107			Nẹp khóa đa hướng thân xương đòn	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. - Nẹp khóa đa hướng thân xương đòn (mặt trên trước) có từ 6 - 8 lỗ (trái/phải), tương ứng chiều dài 94mm - 120mm. Chiều rộng 11.4mm-12mm, độ dày nẹp ≥ 3.3 mm, khoảng cách giữa các lỗ 14mm-14.5mm. - Nẹp khóa đa hướng thân xương đòn có từ 6 - 12 lỗ (trái/phải), tương ứng chiều dài 72mm - 140.3 mm. Chiều rộng 10.5mm - 10.7mm, độ dày nẹp ≥ 3.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm - 12.3mm. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
2	VT108			Nẹp khóa đa hướng đầu ngoài xương đòn	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. Thân nẹp có 3-9 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài 64mm-135mm. Chiều rộng nẹp 10.5mm-11mm, độ dày nẹp ≥ 3.3 mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm-12.5mm. Sử dụng vít khóa đa hướng đường kính 3.5 mm và vít vò đường kính 3.5mm / vít xóp 4.0mm, đầu nẹp sử dụng vít khóa 2.7mm. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
3	VT109			Nẹp khóa móc xương đòn đa hướng	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. - Chất liệu: Titanium tinh khiết. - Nẹp có: 4 - 7 lỗ, móc dài 15mm và 18mm (trái/phải). Độ dày nẹp 3.5mm, chiều rộng 11mm, khoảng cách các lỗ 15mm. Sử dụng vít khóa đa hướng đường kính 3.5 mm và vít vò đường kính 3.5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
4	VT110			Nẹp khóa đa hướng đầu dưới sau / ngoài xương cánh tay	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. Thân nẹp có từ 3 - 14 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài từ 67mm - 211mm. Chiều rộng nẹp 11mm-11.5mm, độ dày nẹp ≥ 3.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm-13.5mm. Sử dụng vít khóa 3.5mm và vít vò 3.5mm / vít xóp 4.0mm, đầu nẹp sử dụng vít khóa 2.7mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	15

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
5	VT111			Nẹp khóa đa hướng đầu dưới trong xương cánh tay	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. Thân nẹp có từ 3 - 15 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài từ 58mm - 214mm. Chiều rộng nẹp 10mm-10.5mm, độ dày nẹp ≥ 3.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm-13.5mm. Sử dụng vít khóa 3.5mm và vít vò 3.5mm / vít xóp 4.0mm, đầu nẹp sử dụng vít khóa 2.7mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	15
6	VT112			Nẹp khóa đa hướng đầu dưới ngoài xương mác	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. Thân nẹp có 3 - 12 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài 73mm - 190mm. Chiều rộng nẹp 9.5mm-10mm, độ dày nẹp ≥ 2.7 mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm-13.5mm. Sử dụng vít khóa 3.5mm và vít vò 3.5mm / vít xóp 4.0mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485 Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10
7	VT113			Nẹp khóa đa hướng 3.5 đầu dưới trong xương chày	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. Thân nẹp có 4 - 14 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài 109mm - 229mm. Chiều rộng nẹp 11mm-11.5mm, độ dày nẹp ≥ 3.8 mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm-12.5mm. Sử dụng vít khóa 3.5mm và vít vò 3.5mm / vít xóp 4.0mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
8	VT114			Nẹp khóa mắt xích đa hướng	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. Thân nẹp có từ 4-16 lỗ, tương ứng chiều dài 56mm - 224mm. Chiều rộng nẹp 10mm-10.5mm, độ dày nẹp ≥ 3.5 mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm-12.5mm. Sử dụng vít khóa 3.5mm và vít vò 3.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10
9	VT115			Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay chữ T chéo	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. Thân nẹp có 3 - 8 lỗ, tương ứng chiều dài 52mm- 107mm. Chiều rộng nẹp 10mm-10.5mm, độ dày nẹp ≥ 1.6 mm, khoảng cách giữa các lỗ 11mm-11.5mm. Sử dụng vít khóa 3.5mm và vít vò 3.5mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
10	VT116			Nẹp khóa đa hướng đầu trên ngoài xương cánh tay	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. Chất liệu: Titanium tinh khiết. Thân nẹp có 3 - 12 lỗ, tương ứng chiều dài 90mm- 252mm. Chiều rộng nẹp 12.5mm-13mm, độ dày nẹp ≥ 4.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ 18mm-18.5mm. Sử dụng vít khóa 3.5mm và vít vò 3.5mm / vít xóp 4.0mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	15
11	VT117			Nẹp khóa đa hướng 4.5 đầu trên trong xương chày	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. - Chất liệu: Titanium tinh khiết. - Thân nẹp có 4- 10 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài từ 81mm - 177mm. Chiều rộng nẹp 12mm-12.5mm, độ dày nẹp ≥ 3.5 mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm-16.5mm. Sử dụng vít khóa 5.0mm và vít vò 4.5mm - Tiêu chuẩn CE, ISO 13485. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10
12	VT118			Nẹp khóa đa hướng 4.5 đầu trên ngoài xương chày	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. - Chất liệu: Titanium tinh khiết - Thân nẹp có 5-11 lỗ (trái/phải), tương ứng chiều dài từ 137mm - 233mm. Chiều rộng nẹp 17mm-17.5mm, độ dày nẹp ≥ 4.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm-16.5mm. Sử dụng vít khóa 5.0mm và vít vò 4.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. - Xuất xứ: Các nước Châu Âu	Cái	10
13	VT119			Nẹp khóa đa hướng thân xương đùi	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. - Chất liệu: Titanium tinh khiết - Thân nẹp có từ 6 - 18 lỗ, tương ứng chiều dài 133mm - 349mm. Độ dày nẹp ≥ 5.2 mm, chiều rộng nẹp 17-17.5mm, khoảng cách giữa các lỗ 18-18.2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10
14	VT120			Nẹp khóa đa hướng đầu dưới ngoài xương đùi	Thiết kế nẹp theo giải phẫu, lỗ bắt vít khóa hoặc vít vò nén ép kết hợp trên cùng một lỗ vít trên thân nẹp, góc khóa đa hướng ≥ 15 độ theo hướng bất kỳ. - Chất liệu: Titanium tinh khiết. - Thân nẹp có 6 - 14 lỗ, trái/phải, tương ứng chiều dài 158mm- 302mm. Chiều rộng nẹp 17mm-17.5mm, độ dày nẹp ≥ 5.5 mm, khoảng cách giữa các lỗ 18mm-18.5mm. Sử dụng vít khóa 5.0mm và vít vò 4.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. - Xuất xứ: Các nước Châu Âu	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
15	VT121			Vít khóa đa hướng đường kính 5.0mm	Tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng. Vít khóa đa hướng với góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$, tự ta-rô. - Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI) - Đường kính 5.0mm, chiều dài từ 14mm - 90mm. Đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít ≥ 6.6 mm, đường kính lõi ≥ 4.3 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. - Xuất xứ: Các nước Châu Âu	Cái	600
16	VT122			Vít vò đường kính 4.5mm	Tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng. Vít khóa đa hướng với góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$, tự ta-rô. - Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI). - Vít vò đường kính 4.5mm. Chiều dài từ 14 mm- 90mm. Đầu vít hình ngôi sao. Đường kính đầu vít ≥ 7.7 mm, đường kính lõi ≥ 3.0 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	60
17	VT123			Vít khóa đa hướng đường kính 2.7mm	Tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng. Vít khóa đa hướng với góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$, tự ta-rô. Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI) Đường kính 2.7mm, chiều dài 8-60mm. Đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít ≥ 3.5 mm, đường kính lõi ≥ 2.1 mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	300
18	VT124			Vít khóa đa hướng đường kính 3.5mm	Tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng. Vít khóa đa hướng với góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$, tự ta-rô. Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI) Đường kính 3.5mm, chiều dài 10mm - 95mm. Đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít ≥ 5.1 mm, đường kính lõi ≥ 2.8 mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	1,300
19	VT125			Vít vò đường kính 3.5mm	Tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng. Vít khóa đa hướng với góc khóa thay đổi $\geq 15^\circ$, tự ta-rô. Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI) Đường kính 3.5mm, chiều dài 10mm - 80mm. Đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít ≥ 6 mm, đường kính lõi ≥ 3.4 mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	100

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
20	VT126			Vít xóp đường kính 4.0mm	Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI). Vít xóp đường kính 4.0mm tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng. Ren toàn phần hoặc ren bán phần, chiều dài từ 10mm - 40mm (bước tăng 2mm), từ 40 - 100mm (bước tăng 5mm). Đầu vít hình ngôi sao. Đường kính đầu vít ≥ 6.0 mm, đường kính lõi ≥ 1.9 mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Xuất xứ: Châu Âu	Cái	100
21	VT127			Vít rỗng nén ép không đầu, đường kính 2.4mm	- Chất liệu hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI). - Đường kính 2.4mm. Loại ren ngắn: chiều dài ren từ 4mm đến 10mm, vít có chiều dài từ 10mm đến 40mm. - Tiêu chuẩn CE/ISO 13485 - Xuất xứ: Các nước Châu Âu	Cái	30
22	VT128			Vít rỗng tự khoan, tự tarô các cỡ	- Chất liệu bằng hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI) Đường kính 3.0mm. Loại ren ngắn: vít có chiều dài từ 8mm đến 40mm . Loại ren dài: vít có chiều dài từ 14mm đến 40mm Đường kính 4.0mm. Loại ren ngắn: vít có chiều dài từ 10mm đến 72mm. Đường kính 4.5mm. Có 2 loại: ren ngắn và ren toàn thân, vít có chiều dài từ 20mm đến 80mm Đường kính 7.3mm. Loại ren ngắn: vít có chiều dài từ 30mm đến 120mm. Loại ren dài: vít có chiều dài từ 50mm đến 120mm. Loại ren toàn thân, vít có chiều dài từ 30mm đến 120mm. - Đầu vít hình ngôi sao ngăn ngừa hỏng mũ vít. - Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. - Xuất xứ: Châu Âu	cái	30
23	VT129			Vòng đệm tương thích với vít rỗng các loại	Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI) Đường kính 4.5mm - 22mm tương thích với vít rỗng đường kính 3.0; 4.0; 4.5; 7.3mm. Tiêu chuẩn CE/ISO 13485 Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
Phần 68: Nhóm - Nẹp khóa dùng hệ thống vít khóa 2.4, 3.5 - Chất liệu thép không gỉ							
1	VT130		N07.06.040	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay chữ T	Nẹp khóa chữ T nhỏ, đầu nẹp dạng xiên, dùng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, dày 2.8mm, chiều dài đầu chữ T 33mm, có 3 lỗ bắt vít đầu chữ T, thân nẹp có từ 3 đến 10 lỗ, chiều dài nẹp từ 54 đến 124mm . Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	10
2	VT131		N07.06.040	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	Nẹp dày 1,8mm, có 3, 4, 5 lỗ thân tương ứng chiều dài là 59mm, 67mm, 75mm, sử dụng vít khóa đường kính 2.4mm. Thân có khoét lỗ hình tam giác. Được chia thành hai loại: bản rộng đầu nẹp có 7 lỗ bắt vít khóa 2.4mm và bản hẹp đầu nẹp có 5 lỗ bắt vít khóa 2.4mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	10
3	VT132		N07.06.040	Nẹp khóa xương lòng máng 1/3	Nẹp rộng 13mm, có từ 3 đến 12 lỗ, dài từ 39 đến 147mm, sử dụng vít khóa đường kính 3,5mm. Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	20

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
4	VT133		N07.06.040	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	- Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay loại lớn dùng vít khóa đường kính 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, nẹp dày 2.5mm và rộng 12mm, thân nẹp có từ 2 đến 11 lỗ, dài từ 84 đến 192mm, đầu nẹp có 9 lỗ bắt vít khóa 3.5mm, thân nẹp có 1 lỗ bắt vít trượt. - Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay loại nhỏ dùng vít khóa đường kính 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, nẹp rộng 12mm, thân nẹp có từ 4 đến 6 lỗ, chiều dài từ 75mm đến 99mm, đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít khóa 3.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	10
5	VT134		N07.06.040	Nẹp khóa đầu dưới cánh tay	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay rộng 11mm, thân nẹp có từ 3 đến 14 lỗ dùng vít khóa đường kính 3.5mm, vít xương cứng đường kính 3.5mm, nẹp dài từ 65 đến 208mm, đầu xa có móc hoặc không, đầu xa có 03 lỗ bắt vít khóa đường kính 2.4mm, giữa thân nẹp có một lỗ bắt vít động. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	10
6	VT135		N07.06.040	Nẹp khóa xương gót	Nẹp dày 1.5mm, 2.0mm, dài 62mm, 72mm, 79mm tùy từng loại. Thiết kế hình mắt xích liên hợp. Có móc. Phân chia hai loại nẹp dùng cho chân trái và chân phải riêng biệt. Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	5
7	VT136		N07.06.040	Nẹp xương bản nhỏ	Nẹp dày 3mm, rộng 10mm, có từ 2 đến 12 lỗ, dài từ 26 đến 146mm. Sử dụng vít xương cứng 3.5mm. Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	10
8	VT137		N07.06.040	Vít khóa xương 2.4mm	- Đường kính mũ vít 4mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít hình lục giác trên đầu mũ vít là 1.5mm, đường kính thân vít 2.4mm, dài từ 6mm đến 40mm. - Cổ mũ vít có ren. Vít tự taro. Chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	350
9	VT138		N07.06.040	Vít khóa xương 3.5mm	- Đường kính mũ vít 6mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít hình lục giác trên đầu mũ vít là 2.5mm, đường kính thân vít 3.5mm, dài từ 10mm đến 60mm. - Cổ mũ vít có ren. Vít tự taro. Chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	800
10	VT139		N07.06.040	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm	Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài từ 10 đến 70mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	50
Phần 69: Nhóm - Nẹp khóa đa hướng dùng hệ thống vít khóa 2.4, 2.7, 3.5 - Chất liệu Titanium							
1	VT140		N07.06.040	Nẹp khóa đa hướng xương đòn chữ S, 6 - 12 lỗ trái/phải. Vật liệu titanium	Chất liệu Pure Titanium - Nẹp trái/ phải, từ 6/7/8/9/10/12 lỗ, tương ứng chiều dài 61.8/77.1/91.3/92/103.9/127.7mm - Độ dày 2.8mm, chiều rộng 10mm - Dùng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
2	VT141		N07.06.040	Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay, 3 - 12 lỗ. Vật liệu titanium	Chất liệu Pure Titanium - Trái/ phải, 9 lỗ đầu, 3/4/5/6/8/10/12 lỗ thân, tương ứng chiều dài 96/114/132/150/186/222/258mm; độ dày 3.2mm, chiều rộng 12mm - Đầu nẹp dùng Vít khóa đa hướng 3.5mm/ Vít xương cứng 3.5mm cho nẹp đa hướng - Thân nẹp dùng Vít khóa 3.5mm dùng cho nẹp đa hướng/ Vít xương cứng 3.5mm cho nẹp đa hướng - Thân nẹp có lỗ kết hợp đa chức năng 2 trong 1, cho phép sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ trong cùng 1 lỗ nẹp. - Vít đa hướng cho phép điều chỉnh góc bắt vít 10 độ so với trục thẳng - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	10
3	VT142		N07.06.040	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương cánh tay mặt trong, 3 - 14 lỗ trái/phải. Vật liệu titanium	Chất liệu Pure Titanium - Đầu nẹp có 3 lỗ, 3-14 lỗ thân, tương ứng chiều dài 59-201mm (trái/phải), độ dày 3.0mm, chiều rộng 11.2mm - Đầu nẹp sử dụng Vít khóa đa hướng 2.7mm/ Vít khóa 2.7mm - Thân nẹp dùng Vít khóa 3.5mm dùng cho nẹp đa hướng/ Vít xương cứng 3.5mm cho nẹp đa hướng - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	10
4	VT143		N07.06.040	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài, 3 - 14 lỗ trái/phải. Vật liệu titanium	Chất liệu Pure Titanium - Đầu nẹp có 6 lỗ, 3-14 lỗ thân, tương ứng chiều dài 65-208mm (trái/phải), độ dày 2.8mm, chiều rộng 11.2mm - Đầu nẹp sử dụng Vít khóa đa hướng 2.7mm/ Vít khóa 2.7mm - Thân nẹp dùng Vít khóa 3.5mm dùng cho nẹp đa hướng/ Vít xương cứng 3.5mm cho nẹp đa hướng - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	10
5	VT144		N07.06.040	Nẹp khóa đa hướng nén ép bản nhỏ, dày 3.2mm, 4 - 16 lỗ. Vật liệu titanium	Chất liệu: Pure Titanium, cỡ từ 4 đến 16 lỗ, dài 60-216mm, độ dày 3.2mm, rộng 10.5mm, khoảng cách lỗ 13mm, sử dụng các loại vít khoá 3.5mm và vít vỏ 3.5mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	5
6	VT145		N07.06.040	Nẹp khóa đa hướng nén ép bản nhỏ, dày 3.8mm, 4 - 16 lỗ. Vật liệu titanium	Chất liệu: Pure Titanium, cỡ từ 4 đến 16 lỗ, dài 51-207mm, độ dày 3.8mm, rộng 12mm, khoảng cách lỗ 13mm, sử dụng các loại vít khoá 3.5mm và vít vỏ 3.5mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	5

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
7	VT146		N07.06.040	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương chày mặt trong, 4 - 14 lỗ trái/phải, Vật liệu titanium	Chất liệu Pure Titanium - Nẹp trái/ phải, 9 lỗ đầu, 4/6/8/10/12/14 lỗ thân, tương ứng chiều dài 116/142/168/194/220/246 mm - Độ dày 3.6mm, chiều rộng 11.7mm - Đầu nẹp dùng vít khóa đa hướng 2.7mm hoặc vít khóa 2.7mm dành cho nẹp đa hướng - Thân nẹp dùng vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm - Trơ cụ tương thích - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	10
8	VT147		N07.06.040	Nẹp khóa đa hướng nén ép bản rộng, 6 - 18 lỗ, Vật liệu titanium	Chất liệu: Pure Titanium, nẹp thẳng cỡ từ 6 đến 18 lỗ, dài 107-323mm, độ dày 5.8mm, rộng 15.5mm, khoảng cách lỗ: 18mm, sử dụng vít khoá 5.0mm và vít vò 4.5mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	10
9	VT148		N07.06.040	Vít xương cứng đường kính 3.5mm, dài 10 - 60 mm toàn ren, tự taro, Vật liệu Titan	Chất liệu Titanium Alloy - Vít xương cứng 3.5mm - Đường kính đầu vít 3.5mm - Dùng mũi khoan 2.5mm - chiều dài vít từ 10-60mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	60
10	VT149		N07.06.040	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 10 - 80mm, dùng cho nẹp khóa đa hướng, tự taro các loại, Vật liệu Titan	Chất liệu Titanium Alloy Vít khoá 3.5mm: - Đường kính đầu vít 3.5mm - Dùng mũi khoan 2.7mm - Chiều dài vít từ 10-80mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	400
11	VT150		N07.06.040	Vít khóa đa hướng 3.5mm, dài 10 - 80mm, cho nẹp khóa đa hướng, Vật liệu Titan	Chất liệu Titanium Alloy - Vít khóa đa hướng 3.5mm - Đường kính đầu vít 3.5mm - Dùng mũi khoan 2.7mm - chiều dài vít từ 10-80mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	100
12	VT151		N07.06.040	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài 10 - 40mm, dùng cho nẹp khóa đa hướng, tự taro các loại,	Chất liệu Titanium Alloy Vít khoá 2.7mm: - Đường kính đầu vít 2.7mm - Dùng mũi khoan 2.0mm - Chiều dài vít từ 6-40mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	50

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
				Vật liệu Titanium			
13	VT152		N07.06.040	Vít khóa đa hướng 2.7mm, dài 6 - 40mm, cho nẹp khóa đa hướng, Vật liệu Titan	Chất liệu Titanium Alloy - Vít khóa đa hướng 2.7mm - Đường kính đầu vít 2.7mm - Dừng mũi khoan 2.0mm - chiều dài vít từ 6-40mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	50
Phần 70: NẸP VÍT KHOÁ							
1	VT153			Nẹp khóa mặt lòng đầu dưới xương quay (Đầu 4 Lỗ) ngoài khớp	Vật liệu Titanium Nẹp khóa đỡ mặt lòng đầu dưới xương quay, Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren, Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 4 lỗ. Thân nẹp 3-5 lỗ khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 9.0 mm- 9.3mm. Độ dày nẹp 2. mm -2.2mm, Chiều rộng thân nẹp 9.0 mm-9.2mm, Chiều dài nẹp 48-66 mm, có nẹp trái và nẹp phải. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
2	VT154			Nẹp khóa đầu dưới xương đòn	Vật liệu Titanium, Nẹp khóa đầu dưới xương đòn. Thân nẹp có lỗ kết hợp với chức năng khóa và nén. Số lỗ khóa phần đầu nẹp 6 lỗ, thân nẹp: 5-7 lỗ, vít có ren khóa đôi chống tuôn, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 14.0 mm ±0,3, Độ dày nẹp 2.8mm - 3.0 mm, chiều rộng thân nẹp 10.5mm-11.0 mm, Chiều dài nẹp 94mm -121 mm, có nẹp trái và nẹp phải. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
3	VT155			Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Vật liệu Titanium, Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, Thân nẹp có lỗ kết hợp với chức năng khóa và nén, Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 9 lỗ, thân nẹp : 3-5 lỗ, có ren khóa đôi chống tuôn, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 12.0 mm, Độ dày nẹp 3.2mm -3.5 mm, Chiều rộng thân nẹp 13.5mm -14.0 mm, Chiều dài nẹp 92mm -116 mm, Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
4	VT156			Nẹp khóa trước bên đầu dưới xương chày	Vật liệu Titanium, Nẹp khóa trước bên đầu dưới xương chày 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren, Số lỗ khóa phần đầu: nẹp 4 lỗ, Số lỗ phần thân nẹp 05 -11 lỗ, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0± 0,3 mm, Độ dày nẹp 4.0 ± 0,2 mm, Chiều rộng thân nẹp 14.0± 0,3 mm, Chiều dài nẹp 82mm -160 mm, có nẹp trái và nẹp phải. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
5	VT157			Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Vật liệu Titanium Nẹp khóa đầu trên xương đùi 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren, đầu nẹp có 3 lỗ, Số lỗ phần thân nẹp 06 -10 lỗ, Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 18± 0,3 mm Độ dày nẹp 6.0 ± 0,2mm, Chiều rộng thân nẹp 18.8 ± 0,3mm, Chiều dài nẹp 210mm -282 mm, có nẹp trái và nẹp phải. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
6	VT158			Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Vật liệu Titanium, Nẹp khóa đầu dưới xương đùi 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren, Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 7 lỗ, Số lỗ phần thân nẹp 5 - 15 lỗ, Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn. Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp $20.0 \pm 0,3\text{mm}$, Độ dày nẹp $6.3 \pm 0,3\text{mm}$, Chiều rộng thân nẹp $17.5 \pm 0,5\text{mm}$, Chiều dài nẹp 156mm -356 mm, có nẹp trái và nẹp phải, Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
7	VT159			Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài	Vật liệu Titanium, Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren, Số lỗ phần đầu nẹp 5 lỗ, Số lỗ phần thân nẹp 05-11 lỗ, Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp $20.0 \pm 0,3\text{mm}$, Độ dày nẹp $5.0 \pm 0,2\text{mm}$, Chiều rộng thân nẹp $17.5 \pm 0,5\text{mm}$, Chiều dài nẹp 143mm -263 mm, có nẹp trái và nẹp phải. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
8	VT160			Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong	Vật liệu Titanium, Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren, Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 3 lỗ, Số lỗ phần thân nẹp 04 -10, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp $13.0 \pm 0,3 \text{ mm}$, Độ dày nẹp $4.0 \pm 0,3 \text{ mm}$, Chiều rộng thân nẹp $11.7 \pm 0,3 \text{ mm}$, Chiều dài nẹp 93mm-171 mm, có nẹp trái và nẹp phải Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
9	VT161			Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác	Vật liệu Titanium, Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác, Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren, Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 4 lỗ, Số lỗ phân thân nẹp 04 -07 lỗ, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 12.0 mm, Độ dày nẹp 2.0 mm- 2.2mm, Chiều rộng thân nẹp 10.1mm-10.4 mm, Chiều dài nẹp 77mm -113 mm. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	20
10	VT162			Nẹp khóa mặt lưng đầu dưới xương cánh tay có móc đỡ	Vật liệu Titanium Nẹp khóa mặt lưng đầu dưới xương cánh tay có móc đỡ, Thân nẹp có lỗ kết hợp với chức năng khóa và nén, Số lỗ khóa phần đầu nẹp:6 lỗ, thân nẹp: 3-7 lỗ, có ren khóa đôi chống tuôn, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm. Độ dày nẹp 2.2 mm -2.5mm, Chiều rộng thân nẹp 11.2 mm -11.5mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm, Chiều dài nẹp 66mm -118 mm, có nẹp trái và nẹp phải. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
11	VT163			Vít khóa tự taro	Vật liệu Titanium, Vít khóa tự taro, Đường kính vít 2.4 ± 0.05 mm, Đường kính chân ren 1.9 ± 0.05 mm, Đường kính mũ vít (đầu vít) 3.4 ± 0.05 mm, Góc ren vít 60° , bước ren 0.6 ± 0.05 mm, Chiều dài từ 6mm-30mm. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	100

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
12	VT164			Vít khóa tự taro	Vật liệu Titanium, Vít khóa tự taro 2.7 mm, Đường kính vít (đường kính ren) 2.7 ± 0.05 mm, Đường kính chân ren 2.1 ± 0.05 mm, Đường kính mũ vít 3.4 ± 0.05 mm, Góc ren 60° , bước ren 0.6 ± 0.05 mm, Chiều dài từ 10mm-30mm bước tăng 2 mm. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	50
13	VT165			Vít khóa tự taro	Vật liệu Titanium, Vít khóa tự taro 3.5 mm, Đường kính chân ren 2.9 ± 0.05 mm, Đường kính mũ vít 4.9 ± 0.05 mm, Chiều dài từ 12-60 mm. bước ren $0,8 \pm 0.05$ mm, Góc ren vít 60° , Đường kính vít 3.5 ± 0.05 mm. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	200
14	VT166			Vít vỏ tự taro	Vật liệu Titanium, Vít vỏ tự taro 3.5 mm, Đường kính vít (đường kính ren) 3.5 ± 0.05 mm, Đường kính chân ren 2.5 ± 0.05 mm, Đường kính mũ vít 5.9 ± 0.05 mm, Bước ren vít 1.25 ± 0.05 mm, Chiều dài từ 12-50 mm. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	50
15	VT167			Vít khóa tự taro	Vật liệu Titanium, Vít khóa tự taro 5.0 mm, Đường kính chân ren 4.2 ± 0.05 mm, Đường kính mũ vít $6,4 \pm 0.05$ mm , Chiều dài từ 12-90 mm, Đường kính vít 5.0 ± 0.05 mm Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	300

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
16	VT168			Vít vỏ tự taro	Vật liệu Titanium, Vít vỏ (xương cứng) tự taro 4.5 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. Đường kính vít 4.5 ± 0.05 mm, Đường kính chân ren 3.2 ± 0.05 mm, Bước ren vít 1.75 ± 0.05 mm, Chiều dài từ 12-80mm. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	50
17	VT169			Vít rỗng ruột ren một phần, Tự taro	Vật liệu Titanium, Vít rỗng ruột ren một phần Tự taro Đường kính chân ren 5.5 ± 0.05 mm, Bước ren vít 1.6 ± 0.05 mm, Chiều dài vít từ 20-120mm, Đường kính vít 7.3 ± 0.05 mm, Chiều dài ren vít 38 ± 0.1 mm, Đường kính lỗ rỗng 2.7 ± 0.05 mm. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	50
18	VT170			Vít xương xóp ren 32 mm	Vật liệu Titanium, vít xương xóp ren 32 mm, Đường kính chân ren 3.1 ± 0.05 mm, Đường kính mũ vít 7.9 ± 0.1 mm, Bước ren vít 2.75 ± 0.05 mm, Chiều dài vít từ 25-100 mm, Đường kính vít 6.5 ± 0.05 mm, Chiều dài ren vít 32 ± 0.1 mm. Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	50

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
19	VT171			Nẹp khóa bản nhỏ	Nẹp khóa bản nhỏ: - Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 72 - 124 mm - Chiều rộng: 11 ± 0.2 mm - Độ dày: 3.5 ± 0.2 mm - Bề rộng lỗ nén ép: 4.5 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
20	VT172			Nẹp khóa xương đòn có móc	Nẹp khóa xương đòn có móc: - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 69 - 85 mm - Chiều rộng: 10.7 ± 0.3 mm - Độ dày: 4.0 ± 0.2 mm - Bề rộng lỗ nén ép: 4.5 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa 2 lỗ khóa: 16 ± 0.3 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
21	VT173			Nẹp Khóa xương đòn chữ S	Nẹp khóa xương đòn chữ S: - Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 73 - 117 mm - Chiều rộng: 11 ± 0.5 mm - Độ dày: 3.0 ± 0.3 mm - Bề rộng lỗ nén ép: 4.5 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa 2 lỗ khóa: 14.0 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
22	VT174			Nẹp khóa trung tâm đầu dưới xương chày không đỡ	Nẹp khóa trung tâm đầu dưới xương chày không đỡ: - Số lỗ khóa phân đầu nẹp: 8 lỗ, sử dụng vít khóa 3.5mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 109 - 213 mm - Chiều rộng: 15 ± 0.5 mm - Độ dày: 4.0 ± 0.2 mm - Bề rộng lỗ nén ép: 4.5 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13 ± 0.3 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
23	VT175			Nẹp khóa bản rộng	Nẹp khóa bản rộng: - Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 5 mm và vít vỏ 4.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 98 - 296 mm - Chiều rộng: 17.5 ± 0.3 mm - Độ dày: 5.4 ± 0.2 mm - Bề rộng lỗ nén ép: 6.6 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 18 ± 0.3 mm. - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
24	VT176			Nẹp khóa bản hẹp	Nẹp khóa bản hẹp: - Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 5.0 mm và vít vỏ 4.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 134 - 224 mm - Chiều rộng: 14 ± 0.2 mm - Độ dày: 4.4 ± 0.2 mm - Bề rộng lỗ nén ép: 6.6 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 18.0 ± 0.3 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
25	VT177			Nẹp khóa đỡ mặt lồng đầu dưới xương quay (Đầu 8 Lỗ)	Nẹp khóa đỡ mặt lồng đầu dưới xương quay (Đầu 8 Lỗ): - Số lỗ phần đầu nẹp: 8 lỗ (7 lỗ khóa và 1 lỗ nén ở giữa), sử dụng vít khóa, tự taro đường kính 2.4 / 2.7/ 3.5 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa và vít vỏ, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 59 - 81 mm - Chiều rộng: 10.4 ± 0.3 mm - Độ dày: 2.0 ± 0.2 mm - Bề rộng lỗ nén ép thân nẹp: 4.5 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa 2 tâm lỗ khóa: 11 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
26	VT178			Nẹp khóa mặt lưng đầu dưới xương cánh tay không móc đỡ	Nẹp khóa mặt lưng đầu dưới xương cánh tay không móc đỡ: - Số lỗ phần đầu nẹp: 4 lỗ, sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 2.4 / 2.7 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa và vít vỏ, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 66 - 118 mm - Chiều rộng: 11.5 ± 0.3 mm - Độ dày: 2.5 ± 0.3 mm - Bề rộng lỗ nén ép thân nẹp: 4.5 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa 2 tâm lỗ khóa: 13 ± 0.3 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10
27	VT179			Nẹp khóa đầu trên xương đùi có móc	Nẹp khóa đầu trên xương đùi có móc - Số lỗ phần đầu nẹp: 3 lỗ, sử dụng vít khoá rỗng ruột đường kính 7.3 mm và vít khóa, tự taro, đường kính 5.0 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 5.0 mm và vít vỏ, tự taro, đường kính 4.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 200 - 272 mm - Chiều rộng: 18.8 ± 0.3 mm - Độ dày: 6.2 ± 0.2 mm - Bề rộng lỗ nén ép thân nẹp: 5.5 ± 0.1 mm - Khoảng cách giữa 2 tâm lỗ khóa: 18 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
28	VT180			Vít vỏ tự taro	Vít vỏ (xương cứng) tự taro 2.4 mm: - Chiều dài từ 6 - 30 mm, bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài 2.4 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 1.7 ± 0.05 mm - Mũ vít có hai loại: lục giác và hình sao - Mũi vít: chiều sâu rãnh vát 1.2 ± 0.1 mm, chiều dài rãnh vát 2.5 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	30
29	VT181			Vít vỏ tự taro	Vít vỏ (vít xương cứng) tự taro 2.7mm: - Chiều dài vít: vít dài 10 - 30 mm bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài (đường kính ren): $\varnothing 2.7 \pm 0.05$ mm - Đường kính chân ren: $\varnothing 1.9 \pm 0.05$ mm - Mũ vít có hai loại: lục giác và hình sao - Mũi vít: chiều sâu rãnh vát 1.3 ± 0.1 mm, chiều dài rãnh vát 2.5 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	30
30	VT182			Vít khóa rỗng ruột ren toàn phần, Tự taro	Vít khóa rỗng ruột ren toàn phần, tự taro 7.3 mm: - Chiều dài vít từ 20 - 120 mm, bước tăng 5 mm - Đường kính ngoài 7.3 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 5.5 ± 0.05 mm - Góc ren mũ vít 60° - Mũi vít: chiều sâu rãnh vát 2.8 ± 0.1 mm, chiều dài rãnh vát 5.5 ± 0.1 mm - Đường kính lỗ rỗng: 2.7 ± 0.05 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	30

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
31	VT183			Vít xương xóp ren bán phần	Vít xương xóp ren bán phần tự taro 4.0 mm: - Chiều dài vít từ 30 - 60 mm, bước ren tăng 5 mm - Đường kính ngoài 4.0 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.2 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Mũi vít: chiều sâu đầu lục giác 2.0 ± 0.1 mm, chiều sâu đầu hình sao 2.0 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	30
32	VT184			4.0 mm Vít xương xóp ren toàn phần	Vít xương xóp ren toàn phần: - Chiều dài vít từ 14 – 60 mm (14 - 30 mm bước tăng 2 mm, 30 - 60 mm bước tăng 5 mm) - Đường kính ngoài 4.0 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.2 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Mũi vít: chiều sâu đầu lục giác 2.0 ± 0.1 mm, chiều sâu đầu hình sao 2.0 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	30
33	VT185			Vít xương xóp ren toàn phần	Vít xương xóp ren toàn phần: - Chiều dài vít từ 25 – 100 mm bước tăng 5 mm - Đường kính ngoài 6.5 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 3.1 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Mũi vít: chiều sâu đầu lục giác 2.8 ± 0.1 mm, chiều sâu đầu hình sao 2.9 ± 0.1 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo ISO 5832-3/ASTM F136 Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	cái	50

[illegible]

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT203			Nẹp khóa mắc xích 6-12 lỗ, titanium	Chất liệu : titanium độ cứng $\geq 150\text{HV}10$ Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro, khoảng cách Thân nẹp rộng 10mm, dày 3mm, các lỗ 6/7/8/9/10/12 lỗ tương ứng chiều dài 76/88/100/112/124/148/172mm, khoảng cách lỗ 12mm. Đóng gói tiết trùng từ nhà sản xuất. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	15
2	VT204			Vít khóa 3.5mm x 12-60mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$ Vít khóa đường kính 3.5mm dài 12-42 bước tăng 2mm, dài 45-60mm bước tăng 5mm, tự taro. Đường kính mũ vít 5mm, độ sâu ren 1mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	150
Phần 75: Bộ nẹp khoá đầu dưới xương mác 3-13 lỗ, titanium							
1	VT205			Nẹp khoá đầu dưới xương mác 3-13 lỗ, titanium	Chất liệu: titanium độ cứng $\geq 150\text{HV}10$ Đầu nẹp rộng 30mm, dày 3mm. Thân nẹp rộng 14mm, dày 3mm dài 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 84/110/136/162/188/214mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm Lỗ vít kết hợp sử dụng vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm Đóng gói tiết trùng từ nhà sản xuất. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	15
2	VT206			Vít khóa 3.5mm x 12-60mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$ Vít khóa đường kính 3.5mm dài 12-42 bước tăng 2mm, dài 45-60mm bước tăng 5mm, tự taro. Đường kính mũ vít 5mm, độ sâu ren 1mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	150
3	VT207			Vít xương cứng 3.5mm x 10-50mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$ Vít xương cứng 3.5mm dài 10-50mm Tự taro, bước tăng 2mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	20
Phần 76: Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi 5-13 lỗ, titanium							
1	VT208			Nẹp khóa đầu dưới xương đùi 5-13 lỗ, titanium	Chất liệu : titanium $\geq 150\text{HV}10$. Đầu nẹp 7 lỗ, rộng 32mm, dày 5.5mm Thân rộng 16.1mm, dày 5.5mm, 5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 161/201/241/281/321mm, khoảng cách giữa các lỗ 20mm Lỗ vít kết hợp, dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro. Đóng gói tiết trùng từ nhà sản xuất. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	20
2	VT209			Vít khoá 5.0mm x 14-110mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$ Đường kính 5.0mm dài 14-50mm bước tăng 2mm, dài 55-110mm bước tăng 5mm, tự taro. Đường kính mũ vít 7mm, độ sâu ren 1.2mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	200

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
3	VT210			Vít xương cứng 4.5mm, tự taro, titan	Chất liệu titanium alloy độ cứng ≥260HV10 Vít xương cứng 4.5mm dài 20-60mm Tự taro, bước tăng 2mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	40
Phần 77: Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày 3-13 lỗ, titanium							
1	VT211			Nẹp khóa đầu trên xương chày 3-13 lỗ, titanium	Chất liệu : titanium độ cứng ≥150HV10 Lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro. Loại trái/ phải, thân rộng 15.5mm, dày 4.5mm, các lỗ 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 105/145/185/225/265/305mm, khoảng cách giữa các lỗ 20mm. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	15
2	VT212			Vít khoá 5.0mm x 14-110mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng ≥260HV10 Đường kính 5.0mm dài 14-50mm bước tăng 2mm, dài 55-110mm bước tăng 5mm, tự taro. Đường kính mũ vít 7mm, độ sâu ren 1.2mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	150
3	VT213			Vít xương cứng 4.5mm, tự taro, titan	Chất liệu titanium alloy độ cứng ≥260HV10 Vít xương cứng 4.5mm dài 20-60mm Tự taro, bước tăng 2mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	20
Phần 78: Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong 6-10 lỗ, titanium							
1	VT214			Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong 6-10 lỗ, titanium	Chất liệu : titanium độ cứng ≥150HV10 Đầu nẹp 9 lỗ đầu, rộng 18.3mm, dày 3.8mm, có móc Loại trái/ phải,thân rộng 11.3mm, dày 3.8mm, các lỗ 6/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 142/168/194mm. Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	10
2	VT215			Vít khóa 3.5mm x 12-60mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng ≥260HV10 Vít khóa đường kính 3.5mm dài 12-42 bước tăng 2mm, dài 45-60mm bước tăng 5mm, tự taro. Đường kính mũ vít 5mm, độ sâu ren 1mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	100
3	VT216			Vít xương cứng 3.5mm x 10-50mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng ≥260HV10 Vít xương cứng 3.5mm dài 10-50mm Tự taro, bước tăng 2mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	20
Phần 79: Bộ nẹp khóa xương đòn 6-10 lỗ, titanium							

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT236			Nẹp khóa xương gót 15 lỗ, titanium	Chất liệu titanium độ cứng $\geq 150\text{HV}10$ Dày 2mm, 15 lỗ, các cỡ S/M/L tương ứng chiều dài 59/66.5/72.5mm. Loại trái/ phải, dùng vít khóa 3.5mm Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	5
2	VT237			Vít khóa 3.5mm x 12-60mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$ Vít khóa đường kính 3.5mm dài 12-42 bước tăng 2mm, dài 45-60mm bước tăng 5mm, tự taro. Đường kính mũ vít 5mm, độ sâu ren 1mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	50
Phần 86: Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi thể hệ III, titan							
1	VT238			Nẹp khóa đầu trên xương đùi thể hệ III, titan	Chất liệu titanium alloy Rộng 26.5mm, dày 6mm, dùng vít khóa rộng nòng 6.5mm Thân nẹp rộng 18mm, dày 6mm, 6/8/10/12/14 lỗ tương ứng chiều dài 192/228/264/300/336mm, , khoảng cách giữa các lỗ 18mm. Lỗ vít kết hợp dùng vít khóa 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng có thời hạn 3 năm từ nhà sản xuất Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	10
2	VT239			Vít khóa rộng 6.5mm, chất liệu titanium	Chất liệu titanium alloy Vít khóa rộng nòng 6.5mm: đường kính đầu vít 8.5mm, đường kính thân vít 6.5mm, ren 2.75mm, đường kính lõi 2.65mm, dài 60-120mm, bước tăng 5mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	30
3	VT240			Vít khóa 5.0mm, titan	Chất liệu titanium alloy Vít khóa 5.0mm: đường kính đầu vít 7.0mm, đường kính thân vít 5.0mm, ren 1.2mm, đường kính lõi 3.5mm dài 14-50mm bước tăng 2mm, dài 55-110mm bước tăng 5mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	60
4	VT241			Vít xương cứng 4.5mm, tự taro, titan	Chất liệu titanium alloy Vít xương cứng 4.5mm: đường kính đầu vít 5.0mm, đường kính thân vít 4.5mm, ren 1.25mm, đường kính lõi 2mm, dài 20-60mm, tự taro, bước tăng 2mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	20
5	VT242			Vít rộng nén ép không đầu các cỡ, titan	Chất liệu: titanium alloy $\geq 260\text{HV}10$ 1/Đường 2.5mm dài 8-30mm, bước tăng 2mm, đường kính mũ vít 2.8mm, đường kính lõi 1mm 2/Đường kính 3.5mm dài 16-30mm, bước tăng 2mm, đường kính mũ vít 3.7mm, đường kính lõi 1.1mm 3/Đường kính 4.0mm dài 16-50mm, bước tăng 2mm, đường kính mũ vít 4.2mm, đường kính lõi 1.7mm 4/Đường kính 5.0mm dài 20-80mm, bước tăng 5mm, đường kính mũ vít 5.3mm, đường kính lõi 1.7mm 5/Đường kính 6.5mm dài 30-100mm, bước tăng 5mm, đường kính mũ vít 6.8mm, đường kính lõi	Cái	20

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
					2.2mm - Thuộc nhóm nước G20		
6	VT243			Vít xóp rỗng đường kính 3.5/4.5/7.3mm tích hợp vòng đệm, chất liệu titanium	Chất liệu: titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$ 1/Vít xóp rỗng đường kính 3.5mm dài 10-50mm tương ứng độ dài ren 5/6/8/10/12/14/16mm. Đường kính mũ vít 6mm, bước ren 1.75, đường kính lõi vít 1.2mm, bước tăng 2mm 2/Vít xóp rỗng đường kính 4.5mm dài 30-60mm tương ứng chiều dài ren 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24mm. Đường kính mũ vít 7mm, bước ren 1.75mm, đường kính lõi vít 1.7mm 3/Vít xóp rỗng đường kính 7.3mm dài 60-110mm, chiều dài ren 18/32mm, đường kính lõi 2.7mm bước tăng 5mm Tích hợp vòng đệm. Có trụ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	20
Phần 88: NỆP THẲNG, VIT XƯƠNG (nẹp vít đồng bộ)							
1	VT244	9021		Nẹp thẳng 16 lỗ (dùng cho nha khoa)	Chất liệu titanium nguyên chất, ≥ 16 lỗ, dày 1.0mm dùng đồng bộ vít titan 2,0mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, xuất xứ các nước trong khối G7	Cái	20
2	VT245	9021		Nẹp thẳng 40 lỗ	Chất liệu titanium nguyên chất ≥ 40 lỗ, dày 1.0mm dùng đồng bộ vít titan 2,0mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. xuất xứ các nước trong khối G7	Cái	60
3	VT246	9021		Nẹp lõi cầu 5 lỗ	Chất liệu titanium nguyên chất, ≥ 5 lỗ, 2 lỗ hình ovan, kích thước 20x13mm, dày 1.0mm dùng đồng bộ vít titan 2.0mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.xuất xứ các nước trong khối G7	Cái	10
4	VT247	9021		Vít mini kích thước 2.0mm	Chất liệu titanium Ø2.0,dài 6mm - 11mm,từ taro. tiêu chuẩn ISO 13485, CE. xuất xứ các nước trong khối G7	Cái	1,800
5	VT248	9018		Mũi khoan hàm mặt đường kính 1.5mm	Mũi khoan đường kính 1.5mm, độ dài $\geq 50\text{mm}$, độ dừng 9mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	10
Phần 89:NỆP THẲNG, VIT XƯƠNG TRONG PHẪU THUẬT RĂNG HÀM MẶT							
1	VT249	9021		Nẹp thẳng 16 lỗ (dùng cho nha khoa)	Vật liệu titanium, Kích cỡ 2.0mm. Dạng thẳng, 16 lỗ. Chiều dày 1mm dùng với vít có mô-men xoắn cao, Tiêu chuẩn FDA	Cái	40
2	VT250	9021		Vít xương tự khoan kích thước 2.0mm	Vật liệu titanium, Vít loại có Mô-men xoắn cao, cung cấp bổ sung cho giữ vít ổn định, Mũ vít chữ X. Chiều dài 5mm - 11mm, Kích cỡ 2.0mm. Tiêu chuẩn FDA	Cái	800

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
3	VT251	9018		Mũi khoan hàm mặt đường kính 1.6mm	Chất liệu thép không gỉ, Kích thước 1.5 x 50mm, có độ dừng 5mm, 7mm, 10mm. Tiêu chuẩn FDA	Cái	5
Phần 90: Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay 3-12 lỗ, titanium							
1	VT252			Nẹp khóa đầu dưới xương quay 3-12 lỗ, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 150\text{HV}10$ Thân rộng 9mm, dày 2mm, khoảng cách giữa các lỗ 9mm Đầu nẹp 4 lỗ, thân 3-12 lỗ tương ứng chiều dài 47.8-140mmmm, dùng vít khoá 2.5mm/2.7mm Đầu nẹp 5 lỗ, thân 3-12 lỗ tương ứng chiều dài 48.5/66.5mm, dùng vít khoá 2.5mm/2.7mm Lỗ kết hợp dùng vít khóa 2.7mm kết hợp vít xương cứng 2.7mm tự taro. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	15
2	VT253			Vít khóa 2.7mm x 10-60mm, tự taro, titanium	Chất liệu: titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$ Đường kính 2.7mm dài 10-48mm bước tăng 2mm, dài 50-60mm bước tăng 5mm, tự taro Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	150
3	VT254			Vít xương cứng 2.7mmx 4-60mm, tự taro, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$ Vít xương cứng đường kính 2.7mm dài 4-16mm bước tăng 1mm, 18-48mm bước tăng 2mm, 50-60 bước tăng 5mm, tự taro Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Cái	20
Phần 91: ĐINH NỘI TỦY RỒNG KÈM VÍT							
1	VT255			Đinh đầu trên xương đùi, rồng (đinh Gamma)	Bộ gồm: Đinh đầu trên xương đùi (đinh Gamma). Thân đinh rồng, thiết kế theo giải phẫu dễ dàng đưa vào lòng tủy, góc giữa - bên 5 độ và góc cổ - thân 130 độ. Sử dụng tay khung định vị 3 chiều. - Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI). - Đường kính: 9.0 - 12mm. Đinh ngắn có chiều dài 170mm - 240mm. Đinh dài có chiều dài từ 320mm đến 420mm trái/phải. Nắp đinh được thiết kế để chống mô mềm bám dính, dài 0/5/10/15mm. - Vít tương ứng với Đinh: Chất liệu vít bằng hợp kim Titanium. 01 vít nẹp ép (Lagscrew B) hoặc lưỡi chốt xoắn (Loại A) tương thích với đinh Gamma, đường kính 10.5mm, dài 70-120mm. Thiết kế có các rãnh trượt có tác dụng chống xoay và cho phép vít trượt trên thân đinh, dạng vít xóp dễ nén ép, 01 vít chốt nằm trong lòng đinh Gamma để cố định vít nén ép. 01 Vít khóa đinh đầu xa đường kính 5.0mm, chiều dài từ 26mm đến 80mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE; ISO 13485. - Xuất xứ: Châu Âu	bộ	20

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT260		N07.06.040	Bộ Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện các cỡ, chất liệu titanium	Bộ đinh bao gồm: 1. Đinh nội tủy xương chày rỗng nòng Neogen đa phương hướng- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính đầu 11.5mm- Đường kính thân 8.3/9/10/11.5mm, Chiều dài 260/280/300/320/340/360/380/400/420mm 2. Vít khóa đinh nội tủy NeoGen đa phương diện 4.5/5.0mm- Chất liệu Titanium Alloy- Đường kính thân 4.5/5.0mm, chiều dài 26/30/35/40/45/50/55/60/65/70/75/80/85/90/95/100/105/110mm- Đường kính lỗ: 4/4.3mm 3. Vít nắp đinh xương chày đa phương diện- Chất liệu Titanium Alloy- Đường kính 11.5mm, Chiều dài 5;10;15mm- Trọ cụ tương thích và hỗ trợ trọ cụ để mổ - Tiêu chuẩn ISO.	Bộ	10
Phần 94: ĐINH NỘI TỦY							
1	VT261			Đinh nội tủy chốt đầu trên xương đùi PFNA/GAMMA	Đinh nội tủy chốt đầu trên xương đùi PFNA/GAMMA - Vật liệu: Đinh nội tủy được làm từ hợp kim Titanium Grade 5 - Đường kính: 8 -13 mm - Vị trí bên của đinh nội tủy: Phân biệt trái/ phải - Góc cổ xương đùi: 125° - 135° - Chiều dài đinh: 170 - 460 mm - Đường kính thân đinh nội tủy : 8.0 - 13.0 mm - Đường kính đầu gần đinh nội tủy: 16.0 mm - Đường kính lỗ vít đầu gần đinh: 10.8 mm - Đường kính lỗ vít đầu xa đinh: 5.0 mm - Khoảng cách hai tâm lỗ vít chốt động: 4.5 mm Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	bộ	20
2	VT262			Đinh nội tủy chốt xương chày đa hướng	Đinh nội tủy chốt xương chày đa hướng - Vật liệu: Đinh nội tủy được làm từ hợp kim Titanium Grade 5 - Đường kính: 7.0 - 12.0 mm - Chiều dài đinh: 240 - 420 mm - Đường kính thân đinh nội tủy : 7.0 - 12.0 mm - Đường kính đầu gần đinh nội tủy: 11.0 – 13.0 mm - Đường kính lỗ vít đầu gần đinh: 5.0 mm - Đường kính lỗ vít đầu xa đinh: 4.5 mm - Khoảng cách hai tâm lỗ vít chốt động: 6.0 mm Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	bộ	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
3	VT263			Đỉnh nội tủy chốt xương đùi	Đỉnh nội tủy chốt xương đùi - Vật liệu: Đỉnh nội tủy được làm từ hợp kim Titanium Grade 5 - Đường kính: 8 -13 mm - Vị trí bên của đỉnh nội tủy: Phân biệt trái/ phải - Góc cổ xương đùi: 125° - 135° - Chiều dài đỉnh: 170 - 460 mm - Đường kính thân đỉnh nội tủy : 8.0 - 13.0 mm - Đường kính đầu gần đỉnh nội tủy: 13.0 – 15.0 mm - Đường kính lỗ vít đầu gần đỉnh: 6.6 và 5.2 mm - Đường kính lỗ vít đầu xa đỉnh: 5.0 mm - Khoảng cách hai tâm lỗ vít chốt động: 5.0 mm Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	bộ	10
4	VT264			Đỉnh nội tủy xương nhi Elastic	Đỉnh nội tủy xương nhi Elastic - Vật liệu: Đỉnh nội tủy được làm từ hợp kim Titanium Grade 5 - Đường kính: 1.5 - 5.0 mm - Chiều dài đỉnh: 300 - 500 mm - Đường kính thân đỉnh nội tủy : 1.5 - 5.0 mm Đóng gói, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde tại nhà sản xuất Tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Nước sản xuất: các nước G7/ Liên minh châu Âu	bộ	20
Phần 95: ĐINH CÁC LOẠI							
1	VT265	9018		Đỉnh kirschner 2 đầu nhọn 0.8 - 1,2-1,6-1,8-2,0-2,2-2,5-3,0 mm	Chất liệu: Thép không gỉ, loại 2 đầu nhọn, đường kính 0.8mm -3.5mm, dài từ 70-380mm, Tiêu chuẩn:CE, ISO	Cây	3,000
2	VT266	9018		Đỉnh kirschner có ren	Chất liệu: Thép không gỉ, loại có ren ở 1 đầu, hoặc 2 đầu có ren đường kính 1.0mm -3.5mm, dài từ 100-400mm, Tiêu chuẩn:CE, ISO	Cây	500
3	VT267	9018		Đỉnh Rush Đường kính 2.0 mm - 4.0 mm	Chất liệu: Thép không gỉ, 01 đầu nhọn, 01 đầu có móc.Đường kính 2.0 mm - 6.0mm , dài 200 mm - 400mm Tiêu chuẩn:CE, ISO	Cây	200
4	VT268	9018		Đỉnh xương chày 10 mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 10 mm , dài từ 26-34 cm, Tiêu chuẩn:CE, ISO	Cây	100
5	VT269	9018		Đỉnh xương chày 9.0mm	Chất liệu: Thép không gỉ,, đường kính 9.0 mm , dài từ 26-34 cm, CE, ISO	Cây	100

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
6	VT270	9018		Đỉnh xương đùi 10-11 mm	Chất liệu: Thép không gỉ, 2 lỗ rút đỉnh, đường kính 10 mm , dài từ 36cm-44 cm, CE, ISO	Cây	100
7	VT271	9018		Đỉnh xương đùi 11 mm	Chất liệu: Thép không gỉ, 2 lỗ rút đỉnh,, đường kính 11 mm dài từ 36cm-44cmCE, ISO	Cây	100
8	VT272	9018		Đỉnh xương đùi 9 mm	Chất liệu: Thép không gỉ, 2 lỗ rút đỉnh, đường kính 9 mm, dài từ 36cm-44cm,CE, ISO	Cây	50
Phần 95: Đỉnh nội tủy							
1	VT273			Bộ đỉnh nội tủy xương đùi rộng nòng đa hướng, đường kính 9.5/ 10/ 11mm, titanium alloy (gãy vùng liên mẫu chuyển và thân xương đùi)	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$: 1/ Đỉnh nội tủy xương đùi rộng nòng GAMMA: Đường kính lõi 5.1mm, góc nghiêng 6 độ. Đường kính 9.5/10/11mm, dài 320 - 440mm. Loại cải tiến dùng cho gãy thân xương đùi và gãy liên mẫu chuyển. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất. 2/ Dùng 2 vít khóa GAMA III đường kính 6.4mm, dài 65 - 115mm với bước tăng 5mm hướng cổ xương đùi tạo góc với đỉnh 50 độ. 3/ Dùng 2 vít chốt ngang cổ định chống xoay, chống lún đường kính 5mm, dài 26-80mm, bước tăng 2mm, dài 85-100mm, bước tăng 5mm. 4/ Dùng nắp đỉnh dài bổ sung 5/10/15/20mm Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Bộ	10
2	VT274			Bộ đỉnh nội tủy GAMMA II (PFNA) đường kính 9.2/10/11mm, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$: 1/Đỉnh :đường kính đầu đỉnh 16mm, đường kính lõi 4.2mm, khoảng cách từ vít đến đầu đỉnh 43mm, góc vít với đỉnh 130 độ. + Loại đỉnh PFNA GAMA II ngắn: Đường kính 9.2/10/11mm, dài 170/ 200/ 240mm + Loại đỉnh nội tủy rộng nòng GAMMA II chiều dài bổ sung trái/ phải: đường kính 9.2/10/11mm, dài 320/ 340/ 360/ 380/ 400/ 420/ 440mm. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất 2/ Vít khoá gama II đường kính 10mm, dài 70-120mm bước tăng 5mm 3/ Vít chốt ngang đường kính 5mm, dài 26-80mm, bước tăng 2mm, dài 85-100mm, bước tăng 5mm 3/ Nắp đỉnh 25mm hoặc 40mm. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Bộ	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
3	VT275			Bộ đỉnh GAMMA dùng vít nén ép tích hợp đường kính 9/10/11/12mm, titanium	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$: 1/ Đỉnh Gamma Union : Đường kính đầu đỉnh 16.25mm, đường kính lõi 5.3mm. Khoảng cách từ vít đến đầu trên của đỉnh 44mm, góc vít với đỉnh 125 độ + Loại ngắn: Đường kính 9/10/11/12mm, dài 180mm/ 200mm tương ứng đoạn đầu xa dài 72.8mm/ 92.8mm. + Loại chiều dài bổ sung: đường kính 9/10/11 dài 320-420mm. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất. 2/ Dùng vít nén đường kính 7mm, dài 30/60-120mm, bước tăng 5mm. 3/ Dùng vít khóa tích hợp đường kính 10mm, dài 65-120mm, bước tăng 5mm. 4/ Dùng vít chốt ngang đường kính 5mm, dài 26-80mm, bước tăng 2mm, dài 85-100mm, bước tăng 5mm. 5/ Dùng nắp đỉnh vít dài 14/17mm hoặc nắp đỉnh 15mm. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20	Bộ	5
4	VT276			Bộ đỉnh nội tủy xương chày rồng nòng đa hướng đường kính 8.5/ 9/ 10mm, titanium alloy	Chất liệu titanium alloy độ cứng $\geq 260\text{HV}10$: 1/Đỉnh nội tủy xương chày rồng nòng đa hướng: Đường kính 8.5-10mm dài 255-375mm bước tăng 15mm, đa hướng có 5 lỗ đầu gần và 4 lỗ đầu xa phù hợp với nhiều mức độ độ kết hợp thân xương chày. Đường kính lõi 4.2mm, góc nghiêng 10 độ. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất 2/ Dùng 5-9 vít chốt ngang 4.5mm x 24-88mm bước tăng 2mm phụ thuộc chỉ định phẫu thuật. 3/Dùng nắp đỉnh tiêu chuẩn hoặc nắp đỉnh dài bổ sung 5/10/15mm. Có trợ cụ hỗ trợ - Thuộc nhóm nước G20.	Bộ	10
Phần 96: Các loại đỉnh, vít							
1	VT277			Đỉnh nội tủy xương đùi loại ngắn 180mm, kèm vít đầu xương (đầu gần) và vít thân xương (đầu xa)	1. Đỉnh nội tủy: - Vật liệu: Titanium Ti6Al4V Implants - ISO 5832-3 - Có ốc lắp sẵn để khóa vít đầu xương - Mặt cắt dạng hình thang. Kích thước: 12mm x 13mm x 13mm x 15mm - Góc: 127 độ - Diện tích bề mặt: 176mm ² - Có khe hở đầu xa - Kích cỡ: + Chiều dài: 180mm + Đường kính: 10mm 2. Vít - Vật liệu: Titanium Ti6Al4V Implants - ISO 5832-3 - Vít đầu xương: đường kính 10.5mm, dài 70-125mm, có đoạn ren vít dài 32mm - Vít thân xương: đường kính 5.0mm, dài 30-60mm - Có thể sử dụng thêm vít chống xoay đường kính 5.0mm, tùy trường hợp phẫu thuật Đóng gói tiệt trùng chính hãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Bộ	20

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
2	VT278			Đỉnh nội tủy xương đùi loại dài 300mm, kèm vít đầu xương (đầu gần) và vít thân xương (đầu xa)	1. Đỉnh nội tủy: - Vật liệu: Titanium Ti6Al4V Implants - ISO 5832-3 - Có ốc lắp sẵn để khóa vít đầu xương - Mặt cắt dạng hình thang. Kích thước: 12mm x 13mm x 13mm x 15mm - Góc: 127 độ - Diện tích bề mặt: 176mm ² - Có khe hở đầu xa - Kích cỡ: + Chiều dài: 300mm + Đường kính: 10mm 2. Vít - Vật liệu: Titanium Ti6Al4V Implants - ISO 5832-3 - Vít đầu xương: đường kính 10.5mm, dài 70-125mm, có đoạn ren vít dài 32mm - Vít thân xương: đường kính 5.0mm, dài 30-60mm - Có thể sử dụng thêm vít chống xoay đường kính 5.0mm, tùy trường hợp phẫu thuật Đóng gói tiệt trùng chính hãng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Bộ	20
3	VT279			Vít chống xoay đường kính 5.0mm đi kèm đỉnh nội tủy xương đùi.	- Vật liệu: Titanium Ti6Al4V Implants - ISO 5832-3 - Kích cỡ: + Đường kính: 5.0mm + Chiều dài: 65-100mm - Tương thích với đỉnh cùng hãng - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.	Cái	150
Phần 97: Vật tư phẫu thuật nội soi							
1	VT280			Vít treo mảnh ghép gân điều chỉnh chiều dài kèm vít khoá cố định vỏ xương chày	Chất liệu: Titanium và UHMWPE Sử dụng được cho mảnh ghép gân chân ngỗng (hamstring) và mảnh ghép gân bánh chè (BTB). Khả năng chịu lực tối đa lên tới 980N. Một kích cỡ duy nhất dùng cho các loại kỹ thuật khác nhau. Cho phép buộc lại trong trường hợp gân chưa đủ độ căng hoặc căng quá mức, không tạo khoảng chết trên xương đùi. Vít treo kèm vòng chỉ siêu bền với 4 điểm khoá không thất nút tích hợp sẵn giúp dễ dàng thao tác, tránh nhiễm khuẩn. Kích thước vòng treo tối đa: khoảng 7cm Phần nút khoá có các loại với kích thước: đường kính 14mm và 3.4x13mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
2	VT281			Vít treo có kèm vòng chỉ siêu bền 4 điểm khoá	Chất liệu: UHMWPE, Khả năng chịu lực tối đa lên tới 980N. Một kích cỡ duy nhất dùng cho các loại kỹ thuật khác nhau. Vít treo kèm vòng chỉ siêu bền với 4 điểm khoá không thất nút tích hợp sẵn giúp dễ thao tác Kích thước vòng treo tối đa: khoảng 7cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
3	VT282			Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu sinh học các cỡ	Vật liệu: 30% biphasic calcium phosphate và 70% PLDLA Vít neo giúp tăng khả năng chịu lực, loại bỏ điểm yếu và tạo cấu trúc xốp giúp hỗ trợ quá trình tái tạo và thay thế xương.Kích thước: độ dài 23mm hoặc 28mm, đường kính tùy chọn các kích cỡ từ 6-12mm Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
4	VT283			Lưỡi bào xương ngược, các loại	Lưỡi khoan nhiều chức năng trong một, vừa có chức năng dẫn đường, vừa có chức năng khoan tạo đường hầm.Cho phép tạo đường hầm xâm lấn tối thiểu từ trong ra ngoài, dùng để tạo lỗ khoan dẫn đường 3.5mm và tạo đường hầm trong xương.Có các loại đường kính 5mm - 13 mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
5	VT284			Chỉ siêu bền bọc Polyester	Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE giúp cho chỉ khâu siêu chắc chắn, linh hoạt và chống mài mòn và chịu lực vượt trội. Chỉ dài 38inches liền kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn.Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là 46 lbf (tải trọng động).Lực tải tối đa đạt 88lb. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
6	VT285			Dây dẫn nước nội soi khớp điều chỉnh chiều dài	Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mô ổ khớp, đóng gói tiệt trùng. Chiều dài dây nước tính từ máy là 16ft (khoảng 4.8 m).Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây.Dạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
7	VT286			Troca nội soi khớp	Ống troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt cho phép trực quan dụng cụ và chỉ khâu đi qua trong nội soi khớp, Có cổng bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần.Kích cỡ 6mm I.D. x 7 cm/ 7mm x 7cm/ 8.25mm x 7cm.Dạt tiêu chuẩn FDA	Cái	30
8	VT287			Troca mềm nội soi	Chất liệu: Silicone Thiết kế hai đầu có hai vành, giúp cố định tốt, tránh di lệch khi thao tác, bảo vệ mô, cơ khi phẫu thuật. Có hai van ở hai đầu giúp kiểm soát hiệu quả nước rò rỉ. Đường kính có 4 loại: 6mm, 8mm, 10mm, 12mm Chiều dài có các loại 2cm, 3cm, 4cm, 5cm, 6cm Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái	10
9	VT288			Lưỡi bào khớp loại lớn	Vật liệu: Đầu lưỡi bào bằng hợp kim không gỉ, Sử dụng cho mô mềm diện rộng, sụn chêm, cắt bỏ hoạt dịch khớp gối, chóp xoay khớp vai.Đường kính 4mm - 5.5mm, chiều dài 13cm.Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần.Dạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
10	VT289			Lưỡi mài xương Oval	Được thiết kế để mài xương nhanh chóng, Đầu mài dạng Oval có 8 rãnh răng, Đầu lưỡi mài bằng hợp kim không gỉ, Đường kính 4 mm - 5.5mm, chiều dài làm việc 130mm.Dạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	10
11	VT290			Đầu đốt bằng sóng Radio lưỡng cực	Vật liệu: Thân đầu đốt được làm bằng thép không gỉ 304, điện cực được làm bằng thép không gỉ 316L, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 và phần hút bột phẫu thuật được làm bằng Ceramic.Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực (Bipolar RF) giúp cắt và cầm máu mô mềm nhanh chóng, đầu đốt 90 độ.Chiều dài 160mm, đường kính 3.75mm,Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hỏng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật.Dạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
12	VT291			Vít neo tự tiêu 4.75mm kèm chỉ dệt siêu bền	Vật liệu: Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học Kèm vòng chỉ dệt trắng xanh hoặc trắng đen 2.0mm siêu bền, sử dụng cấu trúc chuỗi polyethylene dài, được gắn sẵn trên vít neo, để khâu các mô mềm, gân, dây chằng. Chỉ dệt siêu bền có khả năng chống đào thải mô tốt hơn 27% so với các loại chỉ khác.Kích thước: vít neo 4.75 x 19.1mm.Dạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
13	VT292			Vít neo tự tiêu 2.9mm không nút thắt	Chất liệu BioComposite, kích thước 2.9 mm x 12.5 mm, Vít neo được thiết kế đơn giản và chắc chắn cho các kỹ thuật phẫu thuật nội soi khớp vai Sử dụng cùng kỹ thuật không nút thắt giúp tiết kiệm thời gian và tránh sử dụng nút thắt chỉ trong ổ khớp, Vít neo giúp chỉ khâu mô một cách độc lập trước khi cấy ghép, Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
14	VT293			Vít neo tự tiêu 3mm kèm chỉ siêu bền	Vít sử dụng vật liệu Biocomposite kèm chỉ siêu bền chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) Kích thước vít: 3 mm × 14.5 mm Lõi chỉ được thiết kế riêng cho khả năng thao tác và chịu lực vượt trội Thân chỉ màu trắng xanh dễ quan sát. Lực tải của chỉ tại mức dịch chuyển 3mm là 46 lbf (tải trọng động) Lực tải của chỉ tối đa đạt 88Ib. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
15	VT294			Vít neo 4.75mm không thắt nút.	Dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau. Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) Thiết kế các lỗ thông giúp kích thích mọc xương và lưu thông máu Kích thước: vít neo 4.75 x 19.1mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
16	VT295			Cây đẩy chỉ	Là dụng cụ dùng với súng bắn chỉ Có đầu trước chắc chắn giúp tránh được các mũi khâu cũ Sử dụng cho nhiều phẫu thuật khác nhau giúp khâu mô và đẩy chỉ FiberWire dễ sử dụng, đẩy chỉ từng bước Được thiết kế vừa vặn với trocar nhỏ tới 6 mm Sử dụng được với mô dày lên tới 16 mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	10
17	VT296			Cây móc chỉ nội soi khớp, cong 45 độ	Là dụng cụ phẫu thuật được sử dụng để đưa chỉ qua mô trong quá trình phẫu thuật nội soi Kích thước: 287 x 16 mm Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không rỉ và dây luồn bằng nitinol Cán đẩy chỉ cong trái hoặc phải 45 độ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	10
18	VT297			Bộ vật tư khâu sụn chêm khớp gối	Bộ vật tư bao gồm: - 01 cán kim luồn chỉ rộng khâu sụn chêm - 01 Kim luồn chỉ rộng khâu sụn chêm phía trước Tay cầm cán kim luồn chỉ có thiết kế công thái học giúp kiểm soát vị trí mũi khâu và đẩy kim theo từng đoạn 1cm Kim luồn chỉ rộng là loại được thiết kế tối ưu cho kỹ thuật khâu sụn chêm từ trong ra ngoài Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và tiêu chuẩn FDA.	Bộ	5
Phần 98: Nội soi Khớp Gối - Nội soi khớp Vai							
1	VT298			Vít chỉ khâu sụn chêm kỹ thuật khâu all inside, chốt trượt bung neo chủ động 360 độ, tích hợp khóa giới hạn độ sâu 10-18mm	Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All -Inside. Thiết kế chốt trượt bung neo chủ động 360° cho phép bung neo tại mọi vị trí tay. Gồm hai neo 5mm chất liệu PEEK OPTIMA và nút chỉ không tiêu 2-0 ULTRABRAID chất liệu, UHMW polyethelene. Tích hợp khoá giới hạn độ sâu từ 10-18mm. Mũi kim 17 gauge	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
2	VT299			Vít cố định dây chằng chéo chất liệu sinh học tự tiêu kèm Ha, có vít ren ngược	Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối. Có vít ren ngược phù hợp với gối phải. Đường kính: 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm. Chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA)	Cái	10
3	VT300			Vít chỉ khâu sụn chêm kỹ thuật khâu all inside, có hai neo 5mm chất liệu peek	Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All-Inside, được thiết kế để dễ dàng làm bung chốt. Gồm hai neo 5mm chất liệu PEEK và nút chỉ số 0 buộc sẵn không tiêu UltraBraid chất liệu UHMW polyethylene	Cái	10
4	VT301			Dao cắt chỉ sụn chêm dạng thẳng dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối	Dùng để đẩy, cắt chỉ ULTRA FAST-FIX ở bên trong ổ khớp sau khi khâu và thắt nút. Dạng thẳng	Cái	10
5	VT302			Lưỡi bào xương ngược chiều kỹ thuật all inside, bào ngược tạo đường hầm đường kính 5.5mm-12mm, bước tăng 0.5mm	Mũi khoan ngược sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside. Một hộp bao gồm mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường 2.4mm và cây rút chỉ. Khoan tiến tạo đường hầm đường kính 4.9mm. Lưỡi cắt có thể thu vào, bào ngược tạo đường hầm đường kính 5.5mm - 12mm, bước tăng 0.5mm. Có ống đo chiều dài cầu xương.	Cái	10
6	VT303			Cây đẩy chỉ giúp đẩy và luồn chỉ với 3 tùy chọn khâu, 8 thiết kế đầu khác nhau	Cây đẩy luồn chỉ. Gồm các loại đầu mũi thẳng, cong trái 45 độ, cong phải 45 độ, uốn lên trên 45 độ, uốn lên trên 70 độ, hình lưỡi liềm. Vô trùng, sử dụng một lần. Thiết kế tay cầm thao tác một tay, có bánh xe. Thân cứng một mảnh chống cong và gãy. Kèm chỉ #1 Monofilament dài 48"	Cái	10
7	VT304			Lưỡi dùng cho súng bắn chỉ chóp xoay khớp vai, các loại	Bộ kim và kẹp thu chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay FIRSTPASS. Kim tròn, uốn cong sẵn chất liệu nitinol. Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ.	Cái	10
8	VT305			Vít neo cố định dây chằng chéo, chất liệu titanium và	- Thiết kế chốt: 4 lỗ, Chiều dài chốt: 12mm, chiều rộng chốt 4mm, dày 2mm. - Chỉ kéo Ultrabraid màu trắng số 5, chỉ lật Durabraid màu xanh số 5. - Chiều dài vòng treo gân: 10, 15, 20, 25, 30, 35; 40, 45, 50, 55, 60mm - Chất liệu: Chốt làm bằng titanium màu vàng, Vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Continuous Polyester đường kính 5mm. Độ di lệch < 1mm. Sức căng tối đa >1300N	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
				Polyester, chiều dài chốt 12mm			
9	VT306			Vít neo cố định dây chằng, điều chỉnh được độ dài từ 10-105mm, đk 1.5mm, titanium màu xanh dương	- Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dày 2mm; 8 lỗ - Chất liệu chốt: titanium màu xanh dương - Chất liệu vòng treo: Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE). - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10 – 105 mm. - Đường kính chỉ vòng loop: 1.5 mm - Dùng 1 sợi chỉ polyester #2 duy nhất để kéo và lật - Cơ chế khoá bên trong, giúp tối đa gân trong đường hầm và tối thiểu lực siết vòng treo. - Vòng treo có thiết kế bảo vệ gân. - Có vòng chỉ thắt giúp thắt chỉ bằng một tay - Sức căng tối đa >1500N, độ di lệch < 2mm	Cái	10
10	VT307			Chỉ khâu siêu bền chất liệu polyethylene UHMW, dài 38" dùng cho nội soi các loại	Chỉ không tiêu số 2 kèm kim, kim có hình dạng bán nguyệt, chiều dài kim 27mm. Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene và polypropylene. Dài 38 Inch. Màu sắc: trắng và trắng bện xanh. Đã tiệt trùng. Sức căng 227N (51lb), độ bền kéo 138N (31lb).	Tép	10
11	VT308			Lưỡi bào xương dùng trong nội soi khớp, có hai chế độ cắt dao động, có tính năng khóa cửa sổ hút, các cỡ	Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện. Thiết kế có răng hoặc không răng, đường kính 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. Chiều dài làm việc: 13.3 cm. Tương thích với tay bào DYONICS POWERMAX ELITE. Có tính năng khoá cửa sổ hút. Có hai chế độ cắt dao động.	Cái	10
12	VT309			Lưỡi bào mài xương có vạch màu chốt, tốc độ 8000 vòng/phút dùng trong nội soi khớp vai	Lưỡi bào xương thẳng sử dụng trong nội soi khớp, có vạch màu chốt, mã màu theo cỡ để nhận diện, đã tiệt trùng. Đường kính: 4.0mm, 5.5mm. Chiều dài làm việc: 13 cm. Tốc độ tối đa 8000 - 10000 vòng/phút. Tương thích với tay bào DYONICS POWERMAX ELITE	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
13	VT310			Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng hoặc cong dài 17mm	Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng hoặc cong dài 17mm, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện. Thiết kế răng vát ở cả hai mặt, đường kính 2.0mm, 2.9mm, 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. Chiều dài làm việc: ≤ 13.3 cm. Tương thích với tay bảo DYONICS POWERMAX ELITE. Có tính năng khoá cửa sổ hút. Có hai chế độ cắt dao động.	Cái	10
14	VT311			Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio, dùng công nghệ Coblation, tạo plasma dày 100-200 μ m, đk mũi 5.25mm	• Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Phân cách nhiệt được phủ vật liệu PET (polyethylene terephthalate). • Tạo plasma dày 100-200μm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh • Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại • Có đường hút nước • Đường kính mũi 5.25mm • Đường kính phần thân 3.75mm • Chiều dài làm việc: 5.4 inch (tương đương với 13.7cm) • Đầu mũi nghiêng 90° • Có chế độ tự ngắt • Có nhiều cổng	Cái	10
15	VT312			Lưỡi cắt đốt mô bằng sóng radio cao tần, phủ plasma, đường kính thân 3.75mm, nhiệt độ ± 3 độ C	• Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Phân cách nhiệt được phủ vật liệu PET (polyethylene terephthalate) • Tạo plasma dày 100-200μm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh • Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại • Có cảm biến theo dõi nhiệt độ chất lỏng trong khớp • Có đường hút nước • Đường kính mũi 5.25mm • Đường kính phần thân 3.75mm • Chiều dài làm việc: 5.4 inch (tương đương với 13.7cm) • Độ chính xác nhiệt độ ± 3 độ c • Đầu mũi nghiêng 90° • Có chế độ tự ngắt • Có nhiều cổng	Cái	10
16	VT313			Lưỡi cắt đốt mô bằng sóng radio cao tần, phủ plasma, đường kính thân 3.5mm, Điện cực đốt gồm 4 viên cầu.	Đầu đốt mô mềm dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Khe hút đơn hình ngôi sao. Đầu mũi nghiêng 90°. Đường kính mũi (tối đa) 5.5mm, đường kính thân 3.5 mm. Điện cực đốt gồm 4 viên cầu.	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
17	VT314			Dây dẫn dịch tưới hoạt dịch ổ khớp, lưu lượng nước 2.5l/phút, có hộp điều khiển	Chất liệu: plastic. Lưu lượng nước lên tới 2.5l/phút, có hộp điều khiển. Tổng chiều dài 2 dây: 5.3m. Có đường nước vào và ra.	Cái	20
18	VT315			Vít neo khớp vai tự tiêu, đường kính 2.9mm chất liệu PLLA phủ Ha, kèm 1 sợi chỉ Ultra	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp . Vít được kết nối sẵn với tay đóng. • Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng • Kèm một sợi chỉ siêu bền Ultrabraid số 2, Đường kính 2.9 mm. Đường kính ngoài 3.7 mm, dài 11.5mm	Cái	10
19	VT316			Vít neo khớp vai tự tiêu, đường kính 2.9mm chất liệu PLLA phủ Ha, kèm 2 sợi chỉ Ultra	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp . Vít được kết nối sẵn với tay đóng. • Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng • Kèm hai sợi chỉ siêu bền Ultrabraid số 2, Đường kính 2.9 mm. Đường kính ngoài 3.7 mm, dài 11.5mm	Cái	10
20	VT317			Vít neo không buộc chỉ, Đường kính vít 2.9mm, Chất liệu PEEK	Vít neo không buộc chỉ BIORAPTOR KNOTLESS, vít 2.9mm, thân cán dài 6.3". Thiết kế chốt bên trong khoá chỉ. Chất liệu PEEK.	Cái	10
21	VT318			Vít chỉ neo đôi khâu chóp xoay khớp vai, PLLA, phủ HA, đường kính 4.5, 5.5, 6.5mm	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai. Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. • Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiệt trùng • Đường kính 4.5mm (kèm hai sợi chỉ Ultrabraid số 2); đường kính 5.5mm và 6.5mm (Kèm hai hoặc ba sợi chỉ Ultrabraid số 2) • Đường kính 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm tương ứng chiều dài 18.7mm, 19.2mm, 19.2mm	Cái	10
22	VT319			Vít chỉ khâu chóp xoay, chất liệu Peek, sử dụng kỹ thuật khâu hai hàng, đường kính 4.5 và 5.5mm	Chất liệu: PEEK - OPTIMA, đã tiệt trùng. Sử dụng trong khâu hàng ngoài chóp xoay khớp vai. Tay vận giới hạn mô men xoắn, đảm bảo chốt bên trong khoá chỉ vào thân neo. Thiết kế neo đóng với ren hình ngành mọc ngang giúp chống bật neo và dễ đóng neo. Kích thước neo: 4.5mm và 5.5mm tương ứng đường kính 5.8mm và 6.7mm. Chiều dài bung tương ứng 20.4mm và 20.8mm	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
23	VT320			Troca nhựa tích hợp khóa 3 lớp, chất liệu polycarbonate, Latex-free dùng trong nội soi khớp	Ống trocar nhựa. Tích hợp khóa ba lớp giảm rò dịch khi thao tác. Thiết kế nhấn vào, vặn ra giúp bám chắc vào mô và đem lại khả năng điều chỉnh hữu ích. Chất liệu: polycarbonate, Latex-free. Đường kính 4.5mm (chiều dài: 72mm) Đường kính 5.5mm (chiều dài: 45, 55, 72mm) Đường kính 6.5mm (chiều dài: 72mm) Đường kính 7.0mm (chiều dài: 72mm) Đường kính 8.5mm (chiều dài: 45, 72, 90mm)	Cái	20
Phần 99: Nhóm - Nội soi khớp gối							
1	VT321		N05.03.060	Lưỡi bào khớp shaver các loại các cỡ	- Sử dụng cắt bỏ mô mềm, gốc dây chằng, màng hoạt dịch, sụn chêm. - Lưỡi bào có nhiều hình dạng đầu bào khác nhau: có răng, không răng Chiều dài làm việc 13cm, đường kính 3.5mm, 4.2mm, 4.8mm, 5.5mm. - Lưỡi bào sử dụng với tay bào khớp có 2 nút điều khiển và máy điều khiển trung tâm đa năng, có 2 màn hình cảm ứng. Tốc độ làm việc dao động từ 500 vòng/phút đến 12000 vòng/phút. Có tính năng khóa cửa sổ hút, có các chế độ khoan mài: thuận, nghịch, dao động đơn hướng, dao động đa hướng. Momen xoắn 35 in.oz.	Cái	20
2	VT322		N04.03.010	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy một dây	- Tổng chiều dài dây dẫn đường vào : 4.9m. Trong đó: chiều dài dây dẫn về phía bệnh nhân: 3.4m, chiều dài dây dẫn về phía túi dịch: 1.5m - Dây được sử dụng với máy 10K, máy có màn hình hiển thị: Hiển thị áp lực bơm trong phẫu thuật nội soi khớp hoặc tỉ lệ phần trăm (%) trong phẫu thuật nội soi bụng. Máy có cửa sổ để cảm biến áp lực bơm.	Cái	40

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
3	VT323		N05.03.090	Lưỡi cắt đốt Edge bằng sóng RF có chức năng theo dõi nhiệt độ	- Điện cực làm từ Tungsten. - Thiết kế 2 loại đầu có góc cong 50 và 90 độ. - Đầu đốt góc cong 90 độ: + Đường kính điện cực : 0.148 in. + Đường kính thân: 0.148 in. + Chiều dài làm việc: 13 cm. + Điện thế đỉnh: 450V + 5 thiết lập nguồn cắt - Đầu đốt góc cong 50 độ: + Đường kính đầu dạng hình Oval 0.107 x 0.122 in. + Đường kính thân 0.134 in. + Chiều dài làm việc 13 cm. + Điện thế đỉnh: 400V + 3 thiết lập nguồn cắt - Đầu đốt có chức năng phát hiện các đối tượng có trở kháng thấp như ống soi: Đầu đốt sẽ tự động dừng cho đến khi cách ống soi một khoảng cách an toàn. - Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm, và có khả năng giám sát nhiệt độ. - Có thể thông minh giúp bộ điều khiển nhận biết và tự động tối ưu hóa công suất cài đặt để tạo ra dòng Plasma tối ưu và an toàn nhất cho bệnh nhân. - Sử dụng với máy cắt đốt công suất 400W, khoảng điều chỉnh nhiệt độ 20-60 độ C	Cái	20
4	VT324		N07.06.040	Vít treo mảnh ghép dây chằng Infinity điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương đùi	- Thanh treo: Vật liệu bằng Titanium. Kích thước: Chiều rộng 3mm, chiều cao 1.5mm, chiều dài 11mm. - Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chi siêu bền số 5 màu trắng, chịu được lực căng 1021N, độ dẫn 1.02mm. - Chi kéo thanh treo: Vật liệu bằng chi siêu bền số 2 sọc vàng. - Chi của tab đảo ngược: Vật liệu chi siêu bền số 2 màu xanh nhạt. - Tab đảo ngược cho phép kéo dài lại vòng treo mảnh ghép và điều chỉnh lại vị trí của mảnh ghép giữa đường hầm xương đùi và đường hầm xương chày sau khi đã cố định. - Thanh treo đóng vai trò như một khóa cơ khí khi mảnh ghép đang được kéo căng, khóa ma sát được đặt tì vào thanh treo. - Vòng treo mảnh ghép có thể điều chỉnh về xấp xỉ 0mm	Cái	10

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
5	VT325		N07.06.040	Vít treo mảnh ghép dây chằng Infinity điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương chày	Vít treo gồm 2 thành phần: - Thanh treo: Vật liệu Titanium, có 2 kích cỡ vừa và lớn + Vừa: Dài x rộng x dày: 14mm x 10.16mm x 2.6mm. + Lớn: Dài x rộng x dày: 16.9mm x 12.70mm x 2.6mm - Thiết kế rãnh chèn mờ, dễ dàng lắp vòng treo mảnh ghép. - Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền số 5 màu trắng/xanh, chịu được lực căng 958N, độ dẫn 1.8mm. Vòng treo có khóa ma sát kép đảm bảo cố định chắc chắn. Vòng treo điều chỉnh được đến 80mm	Cái	20
6	VT326		N08.00.330	Mũi khoan ngược sử dụng cho kỹ thuật all inside	Đầu mũi khoan có đường khắc laser xung quanh, cho biết khoảng cách an toàn trước khi kích hoạt chế độ khoan ngược. - Có 2 chức năng: + Chức năng khoan dẫn đường với chế độ khoan định hướng. + Chức năng khoan đường hầm với chế độ khoan ngược. - Kích thước: + Chiều dài trục: 23.5cm + Đường kính đầu mũi khoan: 3.5mm + Đường kính khoan đường hầm: 6.0/6.5/7.0/7.5/8.0/8.5/9.0/9.5/10/11/12mm	Cái	10
7	VT327		N05.02.030	Chỉ khâu Hifi không tiêu	- Là chỉ siêu bền, chất liệu UHMW - Polyethylene. Chỉ được bền và không tiêu, được chỉ định cho khâu mô mềm trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình. - Có 1 Chỉ siêu bền số 2, màu trắng. Độ dài chỉ: 40 inches (101 cm) - Kích thước kim: loại kim C-2. đường kính vòng kim 0.5", đầu kim dạng thon. - Lực kéo ra tối đa 360N.	Tép	20
8	VT328		N07.06.040	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu Genesys Matryx	- Vật liệu: Micro TCP kết hợp 96L/4D PLA tự tiêu, giúp thúc đẩy xương tăng trưởng, phát triển bên trong vít để phục hồi giải phẫu tự nhiên của bệnh nhân cả về mặt sinh học và cơ học. - Kích thước: 5.0x15, 5.0x20, 5.0x25, 5.0x30, 5.5x15, 5.5x20, 5.5x 25, 5.5x30, 6.0x15, 6.0x20, 6.0x25, 6.0x30, 6.5x15, 6.5x20, 6.5x25, 6.5x30, 7.0x20, 7.0x25, 7.0x30, 8.0x20, 8.0x25, 8.0x30, 8.0x35, 9.0x20, 9.0x25, 9.0x30, 9.0x35, 10.0x20, 10.0x25, 10.0x30, 10.0x35, 11.0x20, 11.0x25, 11.0x30, 11.0x35(mm)	Cái	10
9	VT329		N07.06.040	Vít treo gân XO Button	- Vật liệu: Vít neo bằng titanium. - Kích thước neo: đường kính 4,5mm, dài 13.5mm, - Kích thước vòng lắp dài: 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50 (mm) - Mô men quay cho phép vít neo được đặt đúng trên bề mặt xương đùi.	Cái	10
10	VT330		N07.06.040	Vít chỉ khâu sụn chêm Sequent	- Có 7 Vít neo bằng vật liệu PEEK, kèm theo chỉ siêu bền dài 71cm. Khâu được 7 mũi liên tiếp - Đường kính chỉ khâu trung bình: 0.35-0.41mm Ứng dụng: Khâu sụn chêm all inside (khâu toàn bộ bên trong)	Cái	10

Phần 100: Vật tư mô nội soi khớp

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT331			Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu sinh học EUROSCREW NG	* Loại tự tiêu chất liệu PLA 100%, đường kính 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm và chiều dài 20, 24, 30, 35mm. Đầu Flat-head. Ổn định thiết bị cơ học trong khoảng thời gian 8-10 tháng và 6 tháng sau kỹ thuật; điều này cho phép phục hồi tốt. Sau đó, được thủy phân phân chậm bằng nước từ các mô xung quanh và được thay thế hoàn toàn bằng xương mới sau 24 tháng. Tiệt trùng. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU, FDA 510 và FSC	Cái	5
2	VT332			Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu sinh học EUROSCREW TCP NG	* Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu chất liệu PLA 70% + Beta Tri calcium phosphate 30% (β - TCP), đường kính 6 đến 11 mm và chiều dài 20mm, 24mm, 30mm, 35 mm. Đầu Flat-head. Ổn định thiết bị cơ học trong khoảng thời gian 8-10 tháng và 6 tháng sau kỹ thuật; điều này cho phép phục hồi tốt. Sau đó, được thủy phân phân chậm bằng nước từ các mô xung quanh và được thay thế hoàn toàn bằng xương mới sau 24 tháng. Tiệt trùng. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU, FDA 510 và FSC	Cái	5
3	VT333			Vít treo mảnh ghép gân	- Vít chốt neo cố định dây chằng chéo, bao gồm: 1 nút titan (ISO 5832-3), 1 vòng polyethylene terephthalate (PET), 2 sợi kéo terephthalate polyethylene (xanh lá cây và trắng). Vòng dây treo 15, 20, 25, 30, 35, 40 mm. Sản phẩm được cung cấp trong một gói vô trùng và tiệt trùng Gamma - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC và FSC	Cái	5
4	VT334			Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh độ dài Cousin	- Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài và vít chặn. Phần nút chặn chất liệu titanium (TA6V ELI) kích thước 12mm. Phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài chất liệu UHMWPE (chiều dài nhỏ nhất vòng dây là 15mm). Phần dây kéo và dây lật màu xanh và trắng có chất liệu Polyethylene terephthalate. Độ giãn tối đa là 1.43mm; Lực tải tối đa là 1844N. Vít dây chằng được đóng gói 2 lớp và tiệt trùng bởi ethylene oxide. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC và FSC	Cái	5
5	VT335			Chi siêu bền dùng trong nội soi khớp	* Chi siêu bền #2, chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh, chiều dài 39 inch (99cm). Kim dạng 1/2 hình tròn (MO-6), dài 26mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA	Cái	5
6	VT336			Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	* Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF được sử dụng 1 lần. Phần dây hút nước dài 35cm, Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Có các loại đầu đốt cong 90° và cong 45°, chiều dài 150mm. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU và FSC	Cái	5
7	VT337			Lưỡi bào dùng cho nội soi khớp	* Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Dùng 1 lần. Có chiều dài 85mm và 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và 5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC và FSC	Cái	5
8	VT338			Chi siêu bền dùng trong nội soi khớp	- Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, chất liệu nhựa PVC, không có DEHP - Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp, có 2 đầu nước vào và 1 đầu nước ra được điều chỉnh khóa an toàn. - Để kiểm soát áp suất, ống đo áp suất sẽ được kết nối với máy bơm. - Được khử trùng bằng khí VH2O2-Gas - Plasma * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU và FSC	Cái	10

Phần 101: DỤNG CỤ NỘI SOI KHỚP VAI VÀ KHỚP GỐI

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT339			Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh độ dài	- Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V ELI) - Kích thước chốt neo: 4 x 12 x 1.5mm. Vòng treo thay đổi được độ dài mong muốn trong phạm vi từ 15mm - 150mm giúp chủ động điều chỉnh và lắp đặt đường hầm bằng mảnh ghép và cơ chế tự khóa vòng kiểu bao ngón tay với 2 vòng móc vào nhau giúp cố định chắc chắn và hạn chế dịch chuyển mảnh ghép. Vật liệu bằng sợi dệt siêu bền UHMWPE. Có 2 sợi chỉ siêu bền poly dùng để luồn số 2 màu trắng và sợi chỉ số 5 lật chốt ngang màu xanh (PET). Khả năng chịu lực tải tối đa 1012N. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485 - Đóng gói tiệt trùng	Cái	10
2	VT340			Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài, loại vòng treo gắn rời	- Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V ELI) - Kích thước: 8 x 11mm. Chốt neo có 2 lỗ mở để gắn vòng treo rời. Vòng treo gắn rời có thể điều chỉnh độ dài giúp cho việc cố định gân ghép trên xương chày linh hoạt và đơn giản hơn. Khả năng chịu lực tải tối đa 1.012N. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485 - Đóng gói tiệt trùng	Cái	10
3	VT341			Lưỡi cắt đốt RF Plasma dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	- Vật liệu: Thép không gỉ - Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF với công nghệ plasma sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp để cắt và cầm máu mô đích nhanh và hiệu quả ở nhiệt độ thấp 40°C - 70°C. Có thể điều chỉnh các mức công suất từ 1 đến 9 thông qua bàn đạp chân. Phần đầu làm việc có góc nghiêng 90 độ/ 75 độ/ đầu cong/ đầu vát. Đường kính mặt tiếp xúc đốt và cắt: khoảng từ 3.6/4.1/4.3mm. Chiều dài làm việc: 135mm ±2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO - Đóng gói tiệt trùng - Có hỗ trợ máy kèm theo khi sử dụng	Cái	20
4	VT342			Dây dẫn nước chạy máy trong nội soi khớp	- Chất liệu: PVC - Dây nước chạy bằng máy gồm một đoạn ống bơm cho dòng chất lỏng tưới kết nối với máy bơm và được kiểm soát bằng áp suất. Chiều dài dây ≥ 4.8m. Đường kính ngoài của dây nước: 6.55mm & 8.13mm. Tốc độ bơm 0.1 đến 2.0L/phút. Áp lực khoảng từ 10-150 mmHg. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO - Đóng gói vô trùng. - Có hỗ trợ máy kèm theo khi sử dụng	Cái	20
5	VT343			Lưỡi bào 4.2mm dùng trong nội soi khớp	- Vật liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Đường kính 4.2mm; chiều dài trục 132mm ±2mm. Loại có răng kết hợp vừa cắt xương vừa cắt lọc mô xơ. Trục rỗng nòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài tạo trường phẫu thuật trong suốt. Trên thân trục có khắc vạch đậm nhạt khác nhau thể hiện mức độ sắc bén khác nhau của lưỡi bào. Đầu cắt dễ dàng đi qua trong không gian khớp hẹp. Thực hiện phẫu thuật nhanh, tốc độ làm việc lên đến 5.000 vòng/phút, mô tổn thương được cắt bỏ trong thời gian ngắn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485 - Đóng gói tiệt trùng - Có hỗ trợ máy kèm theo khi sử dụng	Cái	20

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
6	VT344			Lưỡi mài 5.5mm dùng trong nội soi khớp	- Vật liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Đường kính 5.5mm; chiều dài trục 132mm $\pm$ 2mm. Lưỡi mài dạng hình tháp hoặc hình cầu, trục rỗng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài tạo trường phẫu thuật trong suốt. Trên thân trục có khắc vạch đậm nhạt khác nhau thể hiện mức độ sắc bén khác nhau của lưỡi mài. Đầu mài dễ dàng đi qua trong không gian khớp hẹp. Thực hiện phẫu thuật nhanh, tốc độ lên đến 5.000 vòng/phút, mô tổn thương được cắt bỏ trong thời gian ngắn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485 - Đóng gói tiệt trùng - Có hỗ trợ máy kèm theo khi sử dụng	Cái	5
7	VT345			Troca nhựa chân ren nội soi khớp	- Vật liệu: nhựa PE, Pvc, Silicon - Kích thước: $\Phi 5 \times 70\text{mm}$ / $\Phi 8 \times 70\text{mm}$. Thân ống có ren, mềm, trong suốt để quan sát dụng cụ và chỉ đi bên trong, thiết kế hoàn toàn kín để không bị rò rỉ chất lỏng khi đưa thiết bị nội soi ra vào. Độ bền kéo của vật liệu silicon $\geq 700\text{Psi}$, độ giãn dài khi đứt $\geq 400\%$ và độ bền xé $\geq 150\text{Ppi}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485 - Đóng gói tiệt trùng, dùng một lần	Cái	20
8	VT346			Troca Silicone nội soi khớp	- Chất liệu: Silicone - Kích thước: $\Phi 8 \times 30\text{mm}$ / $\Phi 8 \times 40\text{mm}$. Thiết kế nhỏ gọn tối ưu hóa với khoang khớp, vật liệu mềm dẻo, linh hoạt tránh tổn hại mô mềm. Độ bền kéo của vật liệu silicon $\geq 700\text{Psi}$, độ giãn dài khi đứt $\geq 400\%$ và độ bền xé $\geq 150\text{Ppi}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485 - Đóng gói tiệt trùng, dùng một lần	Cái	20
9	VT347			Chỉ đa sợi siêu bền khâu gân dạng vòng	Chất liệu: UHMWPE. Kích thước: chỉ số 2; chiều dài 25" (63,5cm). Chỉ dạng vòng không thắt nút, giảm 50% số mũi khâu trên gân, giảm tổn thương gân ghép, kèm kim khâu gân 75mm dạng thẳng bằng thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485. Đóng gói tiệt trùng	Sợi	15
10	VT348			Chỉ đa sợi siêu bền khâu gân	Chất liệu: UHMWPE. Kích thước: chỉ số 2; chiều dài 38" (96,52cm) Thiết kế: lớp phủ silicone bề mặt và công nghệ dệt đa sợi làm cho chỉ khâu mềm hơn và chắc chắn hơn, kèm chỉ liền kim khâu bằng thép không gỉ, dạng vát tappercut. Độ bền kéo $> 370\text{N}$ và độ bền nút thắt $> 170\text{N}$. Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485. Đóng gói tiệt trùng	Sợi	15
11	VT349			Vít chỉ neo cổ định không thắt nút	Chức năng: cố định gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp vai, khớp gối, cổ - bàn chân, cổ - bàn tay, khuỷu tay. Vật liệu: PEEK. Kích thước: $4.75 \times 19.3\text{mm}$ / $5.5 \times 19.3\text{mm}$. Thiết kế: thân vít rỗng nông được gắn sẵn trên trục đóng vít kết hợp khoen tròn phần đầu trục để giữ và căng chỉ giúp cố định vít theo đúng hướng và đúng độ căng mà không cần thắt nút. đi kèm chỉ siêu bền số 2. Các lỗ rỗng giúp xương phát triển vào trong dây nhanh quá trình lành xương và đạt độ chắc tối đa. Chịu lực chống nhổ lên đến 322N và độ di lệch vít nhỏ 0.49mm. Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO13485. Đóng gói tiệt trùng	Cái	10

[illegible]

[illegible]

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	VT359	9021		Khung cố định ngoài cẳng chân AO (tương đương muller)	Khung cố định ngoài cẳng chân gồm: 2 thanh trơn đường kính 8mm, 8 khối cặp, . Bộ cố định ngoài cẳng chân: 01 khung, 04 đinh răng	bộ	100
2	VT360	9021		Khung cố định ngoài gần khớp	Khung cố định ngoài gần khớp gồm: thanh trơn cong đường kính: 8mm và 1 thanh thẳng đường kính 8mm dài 300mm- 330mm, 1 thanh răng đường kính: 6mm dài 230mm- 250mm, 12 khối chữ nhật, 25 bu lông, 4 đai ốc thép không gỉ. Bộ cố định ngoài gần khớp gồm: 01 khung, 06 đinh răng	bộ	100
3	VT361	9021		Khung cố định ngoài chữ T	Khung cố định ngoài chữ T gồm: 2 thanh ren đường kính 8mm dài 330mm, 2 thanh ren đường kính 6mm, 12 khối chữ nhật, 10 bulông, 28 đai ốc thép không gỉ. Bộ cố định ngoài chữ T: 01 khung, 05 đinh răng	bộ	100
4	VT362	9021		Khung cố định ngoài đầu dưới xương quay	Khung cố định ngoài đầu dưới xương quay gồm 1 thanh trục có khớp nối, xoay 3 chiều kèm khóa cố định và 4 đinh, 4 cặp khóa	bộ	50
5	VT363	9021		Khung cố định ngoài qua gối	Khung cố định ngoài qua gối gồm: 2 thanh trơn đường kính 8mm, 12 khối cặp, . Bộ cố định ngoài cẳng chân: 01 khung, 06 đinh răng	bộ	50
6	VT364	9021		Khung ILIZAROV không cần quang	Khung cố định ngoài cẳng chân Ilizarov gồm: 4 vòng nhựa bakelite, 3 thanh ren đường kính 6mm, 17 Fixateur, 45 đai ốc thép không gỉ. Bộ cố định ngoài cẳng chân: 01 khung, 10 đinh kirschner (cung cấp trợ cụ)	bộ	100
Phần 106: Nẹp khoá vít khoá							
1	VT365			Nẹp khóa bản nhỏ	Chất liệu titanium. Nẹp có từ 4 đến 12 lỗ, chiều dài từ 52mm đến 156mm, Khoảng cách lỗ 12mm-13mm, Nẹp dày $\geq 3.3\text{mm}$, rộng $\leq 11\text{mm}$. Tiêu chuẩn FDA ISO, CE	Cái	5
2	VT366			Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay	Chất liệu titanium. Nẹp có 3 lỗ đầu, đầu nẹp dày $\geq 1.6\text{mm}$, rộng $\leq 24\text{mm}$, thân nẹp dày $\geq 1.6\text{mm}$, rộng $\leq 10\text{mm}$, có 3 -5 lỗ, chiều dài 5mm -74mm. Khoảng cách lỗ $\leq 17\text{mm}$; Độ cong 19 độ.-Tiêu chuẩn FDA , ISO, CE	Cái	5
3	VT367			Nẹp khóa xương đòn các cỡ	Chất liệu titanium, Nẹp có từ 6 đến 9 lỗ, trái/phải chiều dài từ 70mm đến 114mm. Khoảng cách lỗ $\leq 12\text{mm}$, độ cong 7.3 độ -13 độ , Nẹp dày $\geq 2.6\text{mm}$, rộng $\leq 10\text{mm}$. Tiêu chuẩn FDA , ISO, CE	Cái	10
4	VT368			Nẹp khóa móc xương đòn các cỡ	Chất liệu titanium. Nẹp có 1 lỗ đầu, thân có 4 -6 lỗ chiều dài 51mm -68 mm. Móc nẹp cao 12mm-18mm, Khoảng cách lỗ $\leq 10\text{mm}$, độ cong 50 độ, Đầu nẹp dày $\geq 2\text{mm}$, đầu nẹp rộng $\leq 18\text{mm}$. Thân nẹp dày $\geq 3\text{mm}$, thân nẹp rộng $\leq 10\text{mm}$. Tiêu chuẩn FDA , ISO, CE	Cái	5
5	VT369			Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài	Chất liệu titanium, Nẹp mặt ngoài có 8 lỗ đầu, thân có 3- 13 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 90-220, Khoảng cách lỗ $\leq 13\text{mm}$ độ cong $103,5 \leq$ độ, Đầu nẹp dày $\leq 1.4\text{mm}$, đầu nẹp rộng $\leq 20.7\text{mm}$, Thân nẹp dày $\leq 2.5\text{mm}$, rộng $\leq 11.15\text{mm}$. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	5
6	VT370			Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong	Chất liệu titanium, Nẹp mặt trong có 5 lỗ đầu, thân có 3-13 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 90-240mm, Khoảng cách lỗ $\geq 15\text{mm}$, độ cong ≤ 81 độ. Đầu nẹp dày $\geq 3.3\text{mm}$, đầu nẹp rộng $\geq 10\text{mm}$. Thân nẹp dày $\geq 3.3\text{mm}$, thân nẹp rộng $\geq 10\text{mm}$. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	5

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
7	VT371			Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Chất liệu titanium, Nẹp có 4 lỗ đầu, thân nẹp có 4- 16 lỗ, trái/phải tương ứng chiều dài 85- 241mm, Khoảng cách lỗ ≥ 13 mm, độ cong ≤ 5 độ. Đầu nẹp dày ≥ 1.7 mm, đầu nẹp rộng ≤ 16 mm. Thân nẹp dày ≥ 2.1 mm, thân nẹp rộng ≤ 10 mm.Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	5
8	VT372			Nẹp khóa nén ép đầu trên xương chày mặt ngoài	Chất liệu titanium, Nẹp mặt ngoài có 6 lỗ đầu, thân nẹp có 4-14 lỗ, trái/phải tương ứng chiều dài 88-238mm. Khoảng cách lỗ ≥ 15 mm, độ cong ≤ 15.3 độ. Đầu nẹp dày ≥ 3 mm, đầu nẹp rộng ≤ 33.1 mm. Thân nẹp dày ≥ 4 mm, thân nẹp rộng ≤ 14 mm.Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	5
9	VT373			Nẹp khóa nén ép đầu trên xương chày mặt trong	Chất liệu titanium, Nẹp mặt trong có 4 lỗ đầu, thân nẹp có 4-14 lỗ, trái/phải tương ứng chiều dài 94-224mm. Khoảng cách lỗ ≥ 13 mm, độ cong ≤ 15.5 độ, Đầu nẹp dày ≥ 2.6 mm, đầu nẹp rộng 20mm-30mm.Thân nẹp dày ≥ 4 mm, thân nẹp rộng ≤ 11 mm.Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	5
10	VT374			Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Chất liệu titanium. Nẹp có 6 lỗ đầu, thân nẹp có 6-14 lỗ, trái/phải tương ứng chiều dài 169- 326mm. Khoảng cách lỗ ≤ 19.8 mm, độ cong ≥ 4 độ, Đầu nẹp dày ≥ 3 mm, đầu nẹp rộng ≤ 32.2 mm, Thân nẹp dày ≤ 6 mm, thân nẹp rộng ≤ 16 mm.Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	5
11	VT375			Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Chất liệu titanium.- Đường kính 5.0mm ứng với chiều dài từ 10-90mm, từ 10 -50mm với bước tăng 2mm và 50-90mm với bước tăng 5mm, tự taro, Đường kính đầu vít ≥ 6.78 mm,Đường kính thân vít 5mm, Đường kính lõi vít ≥ 4.3 mm, Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	200
12	VT376			Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Chất liệu titanium Đường kính 4.5mm tương ứng chiều dài từ 14 - 100mm, từ 14-70mm bước tăng 2mm, từ 70-100mm bước tăng 5mm, tự taro, Đường kính đầu vít ≥ 8 mm, Đường kính thân vít 4.5mm, Đường kính lõi vít ≥ 3 mm.Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
13	VT377			Vít khóa rộng nòng đường kính 6.5 mm, tự taro, chất liệu titanium	Chất liệu titanium, Đường kính 6.5mm ứng với chiều dài 55-105mm với bước tăng 5mm, toàn ren, tự taro, Đường kính đầu vít ≥ 7.9 mm, Đường kính thân vít 6.5mm, Đường kính lõi vít ≥ 5.1 mm, Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	15
14	VT378			Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Chất liệu titanium. Đường kính 3.5mm, chiều dài từ 8mm -80mm, tự taro, Đường kính đầu vít 5mm, Đường kính thân vít 3.5mm, Đường kính lõi vít 2.85mm,tương thích với nẹp khóa,Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	500
15	VT379			Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Chất liệu titanium alloy, Đường kính 3.5mm tương ứng chiều dài từ 8mm-90mm, tự taro, Đường kính đầu vít 6mm, Đường kính thân vít 3.5mm, Đường kính lõi vít 2.4mm, tương thích với nẹp khóa, Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	20

